



DANH SÁCH THÍ SINH VÀO VÒNG 2
CUỘC THI TOEFL JUNIOR CHALLENGE TP. HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2016 - 2017
QUẬN 3



Note: Thông tin "Khối cũ"/"Lớp cũ" là thông tin của thí sinh đặc cách trong năm học trước.

Chú ý : Ấn phím tắt Ctrl + F sau đó tìm thông tin của thí sinh theo SBD hoặc Họ và tên một cách thuận tiện nhất.

Hotline: 0123 900 5888 (trong giờ hành chính)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1	Lê Hoàng Bảo	17-Feb-05	60109060			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
2	Vũ Ngọc Quế Chi	5-Feb-05	60109064			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
3	Nguyễn Minh Đạt	4-Feb-05	60109065			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
4	Trần Dương Đông	1-Nov-05	60109066			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
5	Huỳnh Lê Huy Hiên	5-Jul-05	60109067			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
6	Nguyễn Quang Huy	22-Apr-05	60109069			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
7	Dương Phương Khang	31-Jan-05	60109072			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
8	Trần Anh Khoa	26-Sep-05	60109073			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
9	Đặng Lưu Bảo Khôi	27-Nov-05	60109074			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
10	Đoàn Hà Lâm	10-Jan-05	60109075			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
11	Phạm Khánh Linh	30-Sep-05	60109076			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
12	Nguyễn Ngọc Ánh Mai	23-Feb-05	60109077			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
13	Lê Thiên Phúc	12-Mar-05	60109081			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
14	Phan Lê Quang	25-Jan-05	60109083			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
15	Trương Hoàng Anh Thư	22-Dec-05	60109087			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
16	Nguyễn Hoàng Tuấn	10-Oct-05	60109091			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
17	Trịnh Nguyễn Anh Tuấn	10-Jan-05	60109092			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
18	Phạm Trang Vy	7-Mar-05	60109096			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
19	Phan Nhật Vy	9-May-05	60109095			5	5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
20	Phạm Ngọc Phương	Anh	3-Feb-05	60108981			5	5	Phan Đình Phùng	Đặc cách
21	Nguyễn Đoàn Thanh	Ngọc	8-Jul-05	60112546			5	5.1	Hồng Hà	Đặc cách
22	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Anh	1-Mar-05	60109274			5	5.1	Kỳ Đồng	Đặc cách
23	Phạm Như	Hào	5-Mar-05	60109278			5	5.1	Kỳ Đồng	Đặc cách
24	Nguyễn Trần Quang	Huy	5-Mar-05	60119053			5	5.1	Kỳ Đồng	Đặc cách
25	Huỳnh Anh	Kiệt	27-Oct-05	60109281			5	5.1	Kỳ Đồng	Đặc cách
26	Nguyễn Phạm Thùy	My	23-Jan-05	60109282			5	5.1	Kỳ Đồng	Đặc cách
27	Đỗ Lê Phương	Anh	28-Dec-05	60109337			5	5.1	Lương Định Của	Đặc cách
28	Phạm Lê Quốc	An	15-Jun-05	60109139			5	5.1	Nguyễn Việt Hồng	Đặc cách
29	Vương Quỳnh	Anh	11-Feb-05	60109143			5	5.1	Nguyễn Việt Hồng	Đặc cách
30	Nguyễn Thu	Hằng	13-May-05	60109151			5	5.1	Nguyễn Việt Hồng	Đặc cách
31	Bùi Công	Khoa	12-Aug-05	60109156			5	5.1	Nguyễn Việt Hồng	Đặc cách
32	Vũ Trần Thùy	Phụng	26-Sep-05	60118374			5	5.1	Nguyễn Việt Hồng	Đặc cách
33	Liêu Gia	Dinh	26-Jan-05	60108973			5	5.1	Phan Đình Phùng	Đặc cách
34	Đào Thu	Hương	13-Mar-05	60108982			5	5.1	Phan Đình Phùng	Đặc cách
35	Quách Lập	Phúc	28-Mar-05	60108974			5	5.1	Phan Đình Phùng	Đặc cách
36	Trịnh Anh	Thư	3-Mar-05	60108967			5	5.1	Phan Đình Phùng	Đặc cách
37	Lê Hoàng Gia	Bảo	29-Jan-05	60109287			5	5.2	Kỳ Đồng	Đặc cách
38	Bùi Khôi	Minh	13-Jun-05	60109289			5	5.2	Kỳ Đồng	Đặc cách
39	Bùi Thê Gia	Thiều	19-Mar-05	60109292			5	5.2	Kỳ Đồng	Đặc cách
40	Phạm Hoàng Huyền	Anh	25-Feb-05	60109182			5	5.2	Nguyễn Việt Hồng	Đặc cách
41	Phạm Phú	Hung	4-Dec-05	60109187			5	5.2	Nguyễn Việt Hồng	Đặc cách
42	Nguyễn Minh	Thông	29-Aug-05	60109205			5	5.2	Nguyễn Việt Hồng	Đặc cách
43	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	15-Nov-05	60109215			5	5.2	Nguyễn Việt Hồng	Đặc cách
44	Nguyễn Ngọc Như	Ý	18-Feb-05	60109219			5	5.2	Nguyễn Việt Hồng	Đặc cách
45	Dương Ngọc Kim	Hoàn	16-Feb-05	60108983			5	5.2	Phan Đình Phùng	Đặc cách
46	Đặng Trần Minh	Phúc	9-Feb-05	60117478			5	5.2	Phan Đình Phùng	Đặc cách
47	Phan Minh	Quân	1-Jan-05	60109300			5	5.3	Kỳ Đồng	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
48	Nguyễn Minh	Triết	20-Dec-05	60109303			5	5.3	Kỳ Đồng	Đặc cách
49	Nguyễn Hải Hoàng	Đức	25-Jan-05	60108986			5	5.3	Phan Đình Phùng	Đặc cách
50	Hoàng Hồng	Nhiên	31-May-05	60108170			5	5.3	Võ Trường Toàn	Đặc cách
51	Võ Ngọc Anh	Thư	1-Oct-05	60109339			5	5.4	Lương Định Của	Đặc cách
52	Nguyễn Hà	Như	24-Jan-05	60108993			5	5.4	Phan Đình Phùng	Đặc cách
53	Trương Chí	Trung	12-Jun-05	60108992			5	5.4	Phan Đình Phùng	Đặc cách
54	Lê Lý Thanh	Hải	3-Sep-05	60109340			5	5.5	Lương Định Của	Đặc cách
55	Trần John Kevin	Enriquer	20-May-05	60108876			5	5A	Mê Linh	Đặc cách
56	Lê Trần Nhật	Hạ	17-Feb-05	60108874			5	5A	Mê Linh	Đặc cách
57	Nguyễn Lê Anh	Khôi	4-Jan-05	60108872			5	5A	Mê Linh	Đặc cách
58	Phạm Lê Minh	Khuê	2-Feb-05	60108869			5	5A	Mê Linh	Đặc cách
59	Bùi Ngọc Như	Ý	21-Sep-05	60117885			5	5A	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
60	Phan Triều	Minh	31-Oct-05	60108744			5	5A	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
61	Phan Anh Bảo	Nghi	6-Oct-05	60108745			5	5A	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
62	Phạm Ngọc Thu	An	7-Dec-05	60108558			5	5B	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
63	Tô Quế	Anh	1-Feb-05	60108564			5	5B	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
64	Nguyễn Hà Quang	Huy	6-Feb-05	60108561			5	5B	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
65	Bùi Phạm Khánh	Châu	7-Jun-05	60108755			5	5B	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
66	Vũ Lê Lan	Chi	28-May-05	60108756			5	5B	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
67	Phạm Thực	Đoan	28-Oct-05	60108757			5	5B	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
68	Lê Trần Bảo	Hân	20-Jul-05	60108759			5	5B	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
69	Đào Nguyễn Thuy	Hoàn	10-Aug-05	60108760			5	5B	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
70	Nguyễn Hồng	Khang	11-Mar-05	60108764			5	5B	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
71	Trương Minh	Khang	19-Mar-05	60108765			5	5B	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
72	Phạm Thiện	Mỹ	28-Oct-05	60108766			5	5B	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
73	Bùi Anh	Nguyên	17-May-05	60108769			5	5B	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
74	Lê Trần Thái	Nguyên	28-Jan-05	60108770			5	5B	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
75	Phạm Minh	Trí	26-Apr-05	60108773			5	5B	Trần Quốc Thảo	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
76	Lê Thế	Vinh	12-Oct-05	60108774			5	5B	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
77	Tạ Lê Khôi	Nguyên	4-Nov-05	60109309			5	5B	Trương Quyền	Đặc cách
78	Võ Lê Tịnh	Nhi	15-Mar-05	60108886			5	5C	Mê Linh	Đặc cách
79	Lê Lưu Lan	Chi	27-Dec-05	60108568			5	5C	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
80	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	3-Nov-05	60108571			5	5C	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
81	Trần Hữu	Khôi	2-Aug-05	60108780			5	5C	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
82	Trần Phương	Lam	24-Jan-05	60108781			5	5C	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
83	Lê Đình Thiên	Ngọc	24-Nov-05	60108787			5	5C	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
84	Nguyễn Toàn	Ân	11-Aug-05	60108794			5	5D	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
85	Võ Thảo	Hoàn	10-Nov-05	60108797			5	5D	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
86	Dương Đỗ Nguyên	Khoa	27-Oct-05	60108799			5	5D	Trần Quốc Thảo	Đặc cách
87	Ng.đức Minh	Anh	16-Dec-05	60109323			5	5D	Trương Quyền	Đặc cách
88	Nguyễn Huy	Bảo	22-Feb-05	60109324			5	5D	Trương Quyền	Đặc cách
89	Nguyễn Hoàng	Thắng	13-Jan-05	60109326			5	5D	Trương Quyền	Đặc cách
90	Nguyễn Thùy	Dương	4-Oct-05	60108578			5	5K	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
91	Nguyễn Thiên	Ngân	8-Apr-05	60108583			5	5K	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
92	Võ Thụy Minh	Tú	17-Oct-05	60108580			5	5K	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
93	Hồ Thị Thùy	An	18-May-05	60108596			5	5L	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
94	Lê Nguyễn Khánh	Hân	1-Aug-05	60117886			5	5L	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
95	Nguyễn Đại	Hung	23-Jul-05	60108586			5	5L	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
96	Trần Huy Chiêu	Vinh	15-Aug-05	60108585			5	5L	Nguyễn Thái Sơn	Đặc cách
97	Trần Anh	Kiệt	26-Jan-03				6	6	THCS Tây Úc	Đặc cách
98	Tăng Kim	Anh	16-Feb-04				6	'6 1	Kiến Thiết	Đặc cách
99	Phùng Nguyễn Bảo	Huy	21-Jul-04				6	'6 1	Kiến Thiết	Đặc cách
100	Trương Vĩnh	Khang	28-Mar-04				6	'6 1	Kiến Thiết	Đặc cách
101	Phạm Quang	Thái	15-Mar-04				6	'6 1	Kiến Thiết	Đặc cách
102	Phạm Phương	Phương	25-Jun-03				6	6.2	THCS Colette	Đặc cách
103	Hoàng Phương	Quỳnh	31-Mar-03				6	6.2	THCS Colette	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
104	Đỗ Nguyễn Minh	Thư	12-Mar-03				6	6.2	THCS Colette	Đặc cách
105	Lê Minh	Khôi	02-Aug-04				6	'6.2	COLETTE	Đặc cách
106	Thân Trọng Thảo	Nguyên	22-Jul-04				6	'6.2	COLETTE	Đặc cách
107	Bùi Phong	Son	16-Nov-04				6	'6.2	COLETTE	Đặc cách
108	Nguyễn Khải	Tâm	31-Jan-04				6	'6.2	COLETTE	Đặc cách
109	Quản Thị Minh	Thư	29-Jan-04				6	'6.2	COLETTE	Đặc cách
110	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	17-Feb-04				6	'6.3	COLETTE	Đặc cách
111	Lê Nguyễn Gia	Huy	12-Jul-04				6	'6.3	COLETTE	Đặc cách
112	Võ Lương Khánh	Linh	10-Aug-04				6	'6.3	COLETTE	Đặc cách
113	Lương Hoàng	Minh	02-Sep-04				6	'6.3	COLETTE	Đặc cách
114	Phạm Hữu Trung	Nhân	06-Oct-04				6	'6.7	COLETTE	Đặc cách
115	Phạm Tường	Anh	06-Mar-03				6	6/1	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
116	Nguyễn Ngọc Hồng	Nhi	03-Jun-03				6	6/1	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
117	Từ Khánh	Minh	12-Jan-04				6	'6/10	Lê Quý Đôn	Đặc cách
118	Nguyễn Đức	Hùng	23-Feb-04				6	'6/11	Lê Quý Đôn	Đặc cách
119	Nguyễn Nam	Khang	24-Dec-04				6	'6/11	Lê Quý Đôn	Đặc cách
120	Bạch Long	Vĩ	18-Sep-04				6	'6/11	Lê Quý Đôn	Đặc cách
121	Trương Đỗ Cát	Vy	15-Nov-04				6	'6/11	Lê Quý Đôn	Đặc cách
122	Lê Trần Quỳnh	Anh	21-Jun-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
123	Dương Song	Hào	06-Oct-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
124	Lê Công	Hiếu	02-Apr-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
125	Lê Trần Thụy	Khê	14-Nov-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
126	Phan Xuân	Mai	08-Oct-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
127	Đinh Ngọc Gia	Minh	14-Jun-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
128	Hoàng Túy	Minh	27-Mar-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
129	Nguyễn Thế Hoàng	Minh	07-Mar-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
130	Huỳnh Ngọc Phương	Nghi	18-Oct-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
131	Lương Hoàng Thảo	Nguyên	19-Oct-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
132	Nguyễn Quang	Phú	18-Apr-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
133	Phạm Thanh Bảo	Trân	07-Jun-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
134	Nguyễn Mỹ	Uyên	02-Jul-04				6	'6/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
135	Trần Minh Hường	Dương	08-Mar-03				6	6/13	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
136	Nguyễn Hoàng Nhật	Tiên	02-Feb-04				6	'6/13	Lê Quý Đôn	Đặc cách
137	Triệu Hoàng Kim	Loan	29-Mar-04				6	'6/14	Lê Quý Đôn	Đặc cách
138	Đỗ Ngọc Phương	Nghi	10-Aug-04				6	'6/14	Lê Quý Đôn	Đặc cách
139	Phan Ngọc Châu	Anh	14-Jan-04				6	'6/15	Lê Quý Đôn	Đặc cách
140	Nguyễn Đan	Dung	31-Mar-04				6	'6/15	Lê Quý Đôn	Đặc cách
141	Dương Ngọc Bảo	Hân	11-Oct-04				6	'6/15	Lê Quý Đôn	Đặc cách
142	Nguyễn Hoàng	Phuong	08-Nov-04				6	'6/15	Lê Quý Đôn	Đặc cách
143	Phùng Phú	Sang	09-Apr-04				6	'6/15	Lê Quý Đôn	Đặc cách
144	Phạm Anh	Hoàng	18-May-04				6	'6/16	Lê Quý Đôn	Đặc cách
145	Phạm Đặng Viết	My	01-Apr-04				6	'6/16	Lê Quý Đôn	Đặc cách
146	Trần Khương	My	29-Aug-04				6	'6/16	Lê Quý Đôn	Đặc cách
147	Hứa Hùng	Tín	27-Feb-04				6	'6/16	Lê Quý Đôn	Đặc cách
148	Phan Hoàng	Anh	10-Nov-04				6	6/2	Lê Lợi	Đặc cách
149	Lâm Quang	Nhật	23-Jun-04				6	6/2	Lê Lợi	Đặc cách
150	Lâm Quốc	Anh	26-Oct-03				6	'6/2	Bàn Cờ	Đặc cách
151	Nguyễn Thanh Nhật	Đăng	31-Aug-04				6	'6/2	Bàn Cờ	Đặc cách
152	Hồ Thùy Sơn	Khuê	23-Jul-04				6	'6/2	Bàn Cờ	Đặc cách
153	Vũ Trần Kiều	Phan	30-May-04				6	'6/2	Bàn Cờ	Đặc cách
154	Vũ Hương	Giang	18-May-03				6	6/6	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
155	Phan Thanh	Hà	23-Jan-03				6	6/6	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
156	Nguyễn Lê Phương	Anh	13-Oct-04				6	'6/6	Hai Bà Trưng	Đặc cách
157	Nguyễn Tạ Khánh	Linh	25-Feb-04				6	'6/6	Lê Quý Đôn	Đặc cách
158	Ngô Bảo	Ngọc	22-Nov-04				6	'6/6	Lê Quý Đôn	Đặc cách
159	Huỳnh Minh	Quang	29-Dec-04				6	'6/6	Lê Quý Đôn	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
160	Đỗ Trần Minh	Ân	18-Mar-03				6	6/7	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
161	Võ Thùy	Dương	29-Nov-03				6	6/7	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
162	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	18-Mar-03				6	6/7	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
163	Lê Trần Bích	Ngọc	09-Dec-03				6	6/7	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
164	Trần Cao	Quân	04-Nov-04				6	'6/7	Hai Bà Trưng	Đặc cách
165	Nguyễn Thị Triều	An	29-Mar-03				6	6/8	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
166	Nguyễn Hoàng	Khang	03-Nov-03				6	6/8	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
167	Nguyễn Hoàng	Minh	27-Feb-03				6	6/8	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
168	Đoàn Nhật	Phúc	24-Mar-03				6	6/8	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
169	Nguyễn Anh	Tú	03-Jul-03				6	6/8	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
170	Ngô Mỹ	Uyên	28-Oct-03				6	6/8	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
171	Nguyễn Phạm Sương	Mai	17-Feb-04				6	'6/8	Hai Bà Trưng	Đặc cách
172	Lê Anh	Thảo	04-Jun-04				6	'6/8	Hai Bà Trưng	Đặc cách
173	Đào Nhật Minh	Tú	27-Feb-03				6	6/9	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
174	Lê Thanh	Vân	25-Nov-03				6	6/9	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
175	Trần Nguyễn Bảo	Hân	19-Nov-03				6	6_11	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
176	Trần Ngọc	Trân	15-May-03				6	6_12	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
177	Ngô Nguyễn Hoàng	Huy	07-Oct-03				6	6_13	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
178	Kỳ Quang	Trúc	12-Oct-03				6	6_13	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
179	Nguyễn Lê Thùy	Minh	27-Sep-03				6	6_3	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
180	Nguyễn Vũ Anh	Huy	11-Dec-03				6	6A1	THCS KIẾN THIẾT	Đặc cách
181	Nguyễn Hòa Quyên	Ly	01-Oct-03				6	6A1	THCS KIẾN THIẾT	Đặc cách
182	Trần Phan Anh	Danh	01-Jun-04				6	'6A1	COLETTE	Đặc cách
183	Nguyễn Thế	Minh	08-Apr-03				6	6A2	THCS KIẾN THIẾT	Đặc cách
184	Phạm Hoàng	Duy	27-Jan-03				6	6A3	THCS Đoàn Thị Điểm	Đặc cách
185	Nguyễn Trung	Quân	21-Apr-04				6	'6a3	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách
186	Võ Thùy Minh	Anh	08-Sep-04				6	'6a4	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách
187	Nguyễn Thanh Khánh	Quỳnh	13-Dec-04				6	'6a4	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
188	Trần Ngọc Phương	Trâm	25-Nov-04				6	'6A6	COLETTE	Đặc cách
189	Nguyễn Hoàng Mỹ	Anh	24-Mar-02				7	7	THCS Bạch Đằng	Đặc cách
190	Tô Trần Thiên	Ngân	16-May-02				7	7	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
191	Nguyễn Thu Hà	Jenny	22-Nov-02				7	7	THCS Bàn Cờ	Đặc cách
192	Nguyễn Phúc	Khang	02-Dec-02				7	7	THCS Bàn Cờ	Đặc cách
193	Lê Doãn Đăng	Khôi	28-Jan-02				7	7	THCS Bàn Cờ	Đặc cách
194	Đinh Hồng	Kiên	22-Nov-03				7	7	THCS Bàn Cờ	Đặc cách
195	Lê Trúc	Quỳnh	04-Jan-02				7	7	THCS Bàn Cờ	Đặc cách
196	Trần Thiên	Văn	06-Mar-02				7	7	THCS Bàn Cờ	Đặc cách
197	Juliet Bào Ngọc	Doling	19-Feb-02				7	7	THCS Tây Úc	Đặc cách
198	Nguyễn Phước	Quyển	02-Oct-02				7	7	THCS Tây Úc	Đặc cách
199	Mai Hồng	Ngọc	04-Jul-03				7	'7 1	Kiến Thiết	Đặc cách
200	Nguyễn Khánh Bảo	Trân	13-Oct-03				7	'7 1	Kiến Thiết	Đặc cách
201	Nguyễn Trần Thảo	Vy	20-Jan-03				7	'7 1	Kiến Thiết	Đặc cách
202	Mai Ngọc Quỳnh	Anh	07-Nov-03				7	'7 5	Kiến Thiết	Đặc cách
203	Huỳnh Kim Thái	Bảo	07-Jan-03				7	'7.3	COLETTE	Đặc cách
204	Trần Lê Hồng	Ngọc	17-Jun-03				7	'7.3	COLETTE	Đặc cách
205	Hoàng Thanh	Thảo	27-Apr-03				7	'7.3	COLETTE	Đặc cách
206	Nguyễn Vũ Thái	Uyên	18-Jan-03				7	'7.3	COLETTE	Đặc cách
207	Hoàng Kỳ	Anh	26-Nov-02				7	7.4	THCS Colette	Đặc cách
208	Trần Bảo	Minh	12-Dec-03				7	'7.8	COLETTE	Đặc cách
209	Văn Thị Thùy	Trang	27-Jan-03				7	'7.8	COLETTE	Đặc cách
210	Lê Ngọc	Khanh	21-Jul-03				7	7/1	Lê Lợi	Đặc cách
211	Nguyễn Minh	Trí	01-Jan-02				7	7/1	THCS Bạch Đằng	Đặc cách
212	Trần Hoàng Phương	Linh	10-Mar-02				7	7/1	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
213	Nguyễn Ngọc Ngân	Hà	03-Apr-02				7	7/1	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
214	Nguyễn	Quang	04-May-02				7	7/1	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
215	Trần Khánh	Duy	26-Dec-03				7	'7/1	Bạch Đằng	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
216	Nguyễn Phương	Ly	17-Dec-03				7	'7/1	Bạch Đằng	Đặc cách
217	Phạm Đan	Tâm	05-Sep-03				7	'7/1	Bạch Đằng	Đặc cách
218	Phan Nhật	Thành	10-May-03				7	'7/1	Hai Bà Trưng	Đặc cách
219	Mai Hồng Minh	Đức	18-Aug-02				7	7/10	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
220	Nguyễn Đức	Minh	29-Apr-02				7	7/10	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
221	Nguyễn Đại	Nghĩa	29-Sep-03				7	'7/10	Hai Bà Trưng	Đặc cách
222	Diệp Thái	Dương	13-Sep-02				7	7/11	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
223	Trương Đỗ Nguyên	Long	06-Jul-03				7	'7/11	Lê Quý Đôn	Đặc cách
224	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	13-Jul-03				7	'7/11	Lê Quý Đôn	Đặc cách
225	Nguyễn Thị Bảo	Trân	17-Sep-03				7	7/12	Lê Lợi	Đặc cách
226	Nguyễn Phúc Anh	Khôi	13-Oct-03				7	'7/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
227	Nguyễn Hữu	Lộc	17-Mar-03				7	'7/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
228	Trần Nguyễn Ngọc	Nhi	20-Nov-03				7	'7/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
229	Ngô Nguyễn Vân	Quỳnh	18-Jun-03				7	'7/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
230	Võ Hoàng	Trân	23-Jul-03				7	'7/12	Lê Quý Đôn	Đặc cách
231	Nguyễn Minh	Đức	20-May-03				7	'7/13	Lê Quý Đôn	Đặc cách
232	Nguyễn Phạm Vũ	Vi	06-Aug-03				7	'7/13	Lê Quý Đôn	Đặc cách
233	Bùi Nguyễn Quang	Duy	01-Jan-03				7	7/2	Lê Lợi	Đặc cách
234	Lê Trần	Hiếu	07-Jan-03				7	7/2	Lê Lợi	Đặc cách
235	Tạ Vũ Anh	Thư	15-Aug-03				7	7/2	Lê Lợi	Đặc cách
236	Lâm Nguyễn Quang	Tuệ	19-Nov-03				7	7/2	Lê Lợi	Đặc cách
237	Chiêu Âu Vương	Các	25-Oct-03				7	'7/2	Bàn Cờ	Đặc cách
238	Trần Vũ Hải	Đăng	20-Nov-03				7	'7/2	Bàn Cờ	Đặc cách
239	Nguyễn Hoàng	Kim	17-Oct-03				7	'7/2	Bàn Cờ	Đặc cách
240	Vũ Đan	Vy	09-Apr-03				7	'7/2	Bàn Cờ	Đặc cách
241	Phạm Mai	Thảo	22-Nov-03				7	'7/2	Hai Bà Trưng	Đặc cách
242	Dương Gia	Huy	19-Sep-03				7	'7/3	Bàn Cờ	Đặc cách
243	Châu Minh	Nhân	24-Sep-03				7	'7/3	Bàn Cờ	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
244	Trần Đào Duy	Anh	14-Apr-02				7	7/6	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
245	Nguyễn Nhật	Hy	02-Jan-03				7	'7/7	Hai Bà Trưng	Đặc cách
246	Lê Nguyên	Phúc	25-Jun-03				7	'7/7	Hai Bà Trưng	Đặc cách
247	Lê	Quân	04-Jul-03				7	'7/7	Hai Bà Trưng	Đặc cách
248	Thái Phương	Quỳnh	18-Jul-03				7	'7/7	Hai Bà Trưng	Đặc cách
249	Võ Hồng Khánh	Trân	02-Nov-03				7	'7/7	Hai Bà Trưng	Đặc cách
250	Nguyễn Huỳnh	Đạt	13-Sep-02				7	7/8	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
251	Trần Viết	Thuận	28-Jan-02				7	7/8	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
252	Phạm Tín	Trung	07-Jul-02				7	7/8	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
253	Nguyễn Quốc	Anh	21-Apr-03				7	'7/8	Hai Bà Trưng	Đặc cách
254	Ngô Ngọc Anh	Khuê	15-Oct-03				7	'7/8	Hai Bà Trưng	Đặc cách
255	Lê Trần Thu	Phuong	18-Jul-03				7	'7/8	Hai Bà Trưng	Đặc cách
256	Nguyễn Thị Minh	Tâm	24-Aug-03				7	'7/8	Hai Bà Trưng	Đặc cách
257	Trịnh Nguyên	Nghĩa	15-Nov-01				7	7/9	THCS Hai Bà Trưng	Đặc cách
258	Lê Phương	Anh	01-Dec-03				7	'7/9	Hai Bà Trưng	Đặc cách
259	Trịnh Vũ Đức	Anh	05-Mar-03				7	'7/9	Hai Bà Trưng	Đặc cách
260	Nguyễn Việt	Khang	12-Aug-03				7	'7/9	Hai Bà Trưng	Đặc cách
261	Trần Nguyễn Trương	Anh	16-Jan-02				7	7_10	THCS Lê Lợi	Đặc cách
262	Hồ Nguyên	Khang	13-Apr-02				7	7_12	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
263	Nguyễn	Khánh	26-Jun-02				7	7_12	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
264	Nguyễn Hoàng	Minh	28-Feb-02				7	7_12	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
265	Khoa Năng	Tấn	16-Jun-02				7	7_12	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
266	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	23-Feb-02				7	7_12	THCS Lê Quý Đôn	Đặc cách
267	Nguyễn Bảo	Ngọc	16-Sep-03				7	'7A1	Phan Sào Nam	Đặc cách
268	Lê Trần Trúc	Nhi	01-Jan-03				7	'7a3	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách
269	Phùng Quốc	Trung	23-Aug-03				7	'7a3	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách
270	Ngô Song Tuyết	Ngân	11-Mar-02				7	7a4	THCS Đoàn Thị Điểm	Đặc cách
271	Lê Phi	Anh	14-Jan-03				7	'7a4	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
272	Trần Duy	Khang	22-Mar-03				7	'7a4	Đoàn Thị Diễm	Đặc cách
273	Nguyễn Trần Ý	Nhi	02-May-03				7	'7a4	Đoàn Thị Diễm	Đặc cách
274	Nguyễn Thị Thuận	Ninh	11-Mar-03				7	'7a4	Đoàn Thị Diễm	Đặc cách
275	Nguyễn Hồng	Hải	23-Jun-03				7	'7a6	Đoàn Thị Diễm	Đặc cách
276	Lê Hoàng Phụng	Thảo	15-Mar-02				8	'8	Lê Quý Đôn	Đặc cách
277	Phùng Tấn	Đạt	20-Jul-02				8	'8.1	COLETTE	Đặc cách
278	Phạm Gia	Hy	24-Feb-02				8	'8.1	COLETTE	Đặc cách
279	Tô Duy	Thái	08-Apr-02				8	'8.1	COLETTE	Đặc cách
280	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	03-Dec-02				8	'8.1	COLETTE	Đặc cách
281	Nguyễn Sơn Minh	Tuấn	06-Nov-02				8	'8.1	COLETTE	Đặc cách
282	Lê Minh	Hạnh	14-Feb-02				8	'8.3	COLETTE	Đặc cách
283	Lê Phan Nguyên	Hương	13-Jun-02				8	'8.3	COLETTE	Đặc cách
284	Trần Hà Quang	Huy	18-Jan-02				8	'8.3	COLETTE	Đặc cách
285	Phạm Quang	Minh	03-May-02				8	'8.3	COLETTE	Đặc cách
286	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	03-Jun-02				8	'8.3	COLETTE	Đặc cách
287	Đoàn Huy	Bảo	03-Jun-02				8	8/1	Lê Lợi	Đặc cách
288	Phạm Hoàng Minh	Hiền	03-Apr-02				8	8/1	Lê Lợi	Đặc cách
289	Phan Trần Vân	Khánh	08-Mar-02				8	8/1	Lê Lợi	Đặc cách
290	Bùi Ngọc Cát	Khuê	17-Jun-01				8	8/1	Lê Lợi	Đặc cách
291	Nguyễn Thị Hoàng	Kim	30-Jan-02				8	8/1	Lê Lợi	Đặc cách
292	Đổng Khánh	Linh	04-May-02				8	8/1	Lê Lợi	Đặc cách
293	Hùynh Trang Thanh	Nhã	11-Dec-02				8	8/1	Lê Lợi	Đặc cách
294	Trần Vũ Minh	Quân	27-Jan-02				8	8/1	Lê Lợi	Đặc cách
295	Nguyễn Vũ Huyền	Thanh	27-Jan-02				8	8/1	Lê Lợi	Đặc cách
296	Nguyễn Thanh Huyền	My	17-Mar-02				8	'8/1	Bạch Đằng	Đặc cách
297	Nguyễn Phúc An	Thư	14-Apr-02				8	'8/1	Bạch Đằng	Đặc cách
298	Nguyễn Trúc	Anh	24-May-02				8	'8/1	Bàn Cờ	Đặc cách
299	Ngô Phạm Hoàng	Khôi	30-Oct-02				8	'8/1	Bàn Cờ	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
300	Lê Trương Thanh	Uyên	14-Apr-02				8	'8/1	Bàn Cờ	Đặc cách
301	Vũ Thế	Anh	28-May-02				8	'8/1	Lê Quý Đôn	Đặc cách
302	Huỳnh Vương Bảo	Châu	01-Jan-02				8	'8/1	Lê Quý Đôn	Đặc cách
303	Đoàn Trí	Duy	27-Sep-02				8	'8/1	Lê Quý Đôn	Đặc cách
304	Trần Ngọc Hoàng	Khanh	11-Aug-02				8	'8/1	Lê Quý Đôn	Đặc cách
305	Nguyễn Đình	Long	26-Sep-02				8	'8/1	Lê Quý Đôn	Đặc cách
306	Nguyễn Đăng	Minh	24-Oct-02				8	'8/1	Lê Quý Đôn	Đặc cách
307	Nguyễn Thiện	Nhân	02-Jun-02				8	'8/1	Lê Quý Đôn	Đặc cách
308	Nguyễn Trọng	Nhân	15-Feb-02				8	'8/1	Lê Quý Đôn	Đặc cách
309	Lê Đoàn Quỳnh	Như	10-Mar-02				8	'8/1	Lê Quý Đôn	Đặc cách
310	Đỗ Minh	Thư	11-Mar-02				8	'8/1	Lê Quý Đôn	Đặc cách
311	Trần Anh	Vũ	19-Dec-02				8	'8/1	Lê Quý Đôn	Đặc cách
312	Trần Phan	Anh	22-Apr-02				8	'8/10	Hai Bà Trưng	Đặc cách
313	Lê Đông	Thức	06-May-02				8	'8/10	Hai Bà Trưng	Đặc cách
314	Lê Trần Bảo	Duy	12-Nov-02				8	8/11	Lê Lợi	Đặc cách
315	Lâm Tổ	Hào	08-Mar-02				8	8/11	Lê Lợi	Đặc cách
316	Nguyễn Phúc	Hiên	01-May-02				8	8/11	Lê Lợi	Đặc cách
317	Nguyễn Hoàng Thanh	Ngân	08-Jan-02				8	8/11	Lê Lợi	Đặc cách
318	Đỗ Nguyễn Thanh	Tú	09-Jan-02				8	8/11	Lê Lợi	Đặc cách
319	Phan Nguyễn Hoàng	Nhật	07-Dec-02				8	'8/11	Lê Quý Đôn	Đặc cách
320	Lê Hoàng	Tâm	23-Aug-02				8	'8/11	Lê Quý Đôn	Đặc cách
321	Phan Nguyễn Tuấn	Kiệt	04-Nov-02				8	'8/15	Lê Quý Đôn	Đặc cách
322	Hoàng Thuận	Minh	30-Aug-02				8	'8/15	Lê Quý Đôn	Đặc cách
323	Nguyễn Thanh Quyền	Oanh	20-May-02				8	'8/15	Lê Quý Đôn	Đặc cách
324	Đỗ Huy	Du	01-Dec-02				8	'8/2	Bạch Đằng	Đặc cách
325	Trần Khánh	Uyên	31-Oct-02				8	'8/2	Bạch Đằng	Đặc cách
326	Phan Anh	Huy	13-Jun-02				8	'8/2	Bàn Cờ	Đặc cách
327	Hồ Thuận	Khang	21-Sep-02				8	'8/2	Bàn Cờ	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
328	Nguyễn Đạo	Phúc	05-Mar-02				8	'8/2	Bàn Cờ	Đặc cách
329	Trần Dương Xuân	Quang	14-Dec-02				8	'8/2	Bàn Cờ	Đặc cách
330	Trần Hoàng Thành	Tâm	07-May-02				8	'8/2	Hai Bà Trưng	Đặc cách
331	Lê Nhật	Duy	27-Jun-02				8	'8/3	Bàn Cờ	Đặc cách
332	Phạm Ngọc Quỳnh	Như	12-Apr-02				8	'8/3	Bàn Cờ	Đặc cách
333	Cao Minh	Thiên	21-Nov-02				8	'8/3	Bàn Cờ	Đặc cách
334	Phạm Hoàng	Việt	15-Nov-02				8	'8/3	Bàn Cờ	Đặc cách
335	Nguyễn Ngô Phương	Thảo	07-Nov-02				8	'8/4	Bàn Cờ	Đặc cách
336	Trịnh Bửu	Thống	25-Dec-02				8	'8/4	Bàn Cờ	Đặc cách
337	Văn Mạnh	An	07-Dec-02				8	'8/4	Lương Thế Vinh	Đặc cách
338	Văn Ngọc Đoan	Thư	31-Jan-02				8	'8/5	Bàn Cờ	Đặc cách
339	Phan Vũ Yên	Nhung	25-Aug-02				8	'8/5	Lương Thế Vinh	Đặc cách
340	Lê Minh	Khánh	19-Jul-02				8	'8/8	Hai Bà Trưng	Đặc cách
341	Phạm Ngọc Tuấn	Khôi	02-Jun-02				8	'8/8	Lê Quý Đôn	Đặc cách
342	Nguyễn Ngọc Thủy	Nguyên	26-Oct-02				8	'8/8	Lê Quý Đôn	Đặc cách
343	Phạm Trần Nam	Phương	28-Apr-02				8	'8/8	Lê Quý Đôn	Đặc cách
344	Nguyễn Quang Gia	Bảo	08-Feb-02				8	'8/9	Hai Bà Trưng	Đặc cách
345	Lê Dương Khánh	Chi	30-Jan-02				8	'8/9	Hai Bà Trưng	Đặc cách
346	Vũ Thị Ngọc	Hậu	11-Oct-02				8	'8/9	Hai Bà Trưng	Đặc cách
347	Đỗ Minh	Nhật	25-Apr-02				8	'8/9	Hai Bà Trưng	Đặc cách
348	Nguyễn Trần Nhã	Thanh	09-Jul-02				8	'8/9	Hai Bà Trưng	Đặc cách
349	Nguyễn Tất Thành	Tín	18-Feb-02				8	'8/9	Hai Bà Trưng	Đặc cách
350	Trần Quỳnh	Anh	15-Feb-02				8	'8a1	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách
351	Huỳnh Việt	Dũng	06-May-02				8	'8A1	Phan Sào Nam	Đặc cách
352	Huỳnh Tấn	Khải	12-Oct-02				8	'8A1	Phan Sào Nam	Đặc cách
353	Trịnh Khánh	Quân	25-Nov-02				8	'8A1	Phan Sào Nam	Đặc cách
354	Nguyễn Quốc	Văn	28-Jan-02				8	'8a2	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách
355	Đỗ Nhật	Trung	15-Mar-02				8	'8a5	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
356	Nguyễn Hà Thanh	Hậu	09-Feb-02				8	'8a6	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách
357	Phạm Duy	Ân	10-May-01				9	9	COLETTE	Đặc cách
358	Vũ Phương	Uyên	15-Oct-01				9	'9 3	Kiến Thiết	Đặc cách
359	Lê Nguyễn Tường	Ân	11-Nov-01				9	9/1	Lê Lợi	Đặc cách
360	Phạm Kim	Anh	24-Feb-01				9	9/1	Lê Lợi	Đặc cách
361	Diệp Nguyễn An	Khang	20-Jan-01				9	9/1	Lê Lợi	Đặc cách
362	Thái Bình Anh	Khoa	30-May-01				9	9/1	Lê Lợi	Đặc cách
363	Tân Hoàng Ý	Nhi	26-Dec-01				9	9/1	Lê Lợi	Đặc cách
364	Nguyễn Thuý Minh	Tú	30-May-01				9	9/1	Lê Lợi	Đặc cách
365	Huỳnh Tuệ	Phương	12-Jan-01				9	'9/1	Bạch Đằng	Đặc cách
366	Nguyễn Vũ Phương	Vy	07-Aug-01				9	'9/1	Lương Thế Vinh	Đặc cách
367	Bùi Hạnh	Dung	22-Jan-01				9	9/11	Lê Lợi	Đặc cách
368	Trần Bảo	Hân	14-Feb-01				9	9/11	Lê Lợi	Đặc cách
369	Trương Bùi Ngọc	Hân	19-Jan-01				9	9/11	Lê Lợi	Đặc cách
370	Lý Kim	Khánh	28-Oct-01				9	9/11	Lê Lợi	Đặc cách
371	Trần Đoàn Đăng	Khoa	26-Sep-01				9	9/11	Lê Lợi	Đặc cách
372	Trần Võ Quỳnh	Như	05-Sep-01				9	9/11	Lê Lợi	Đặc cách
373	Nguyễn Phạm Phương	Thảo	17-Jan-01				9	9/11	Lê Lợi	Đặc cách
374	Lê Hoàng Minh	Tú	13-Feb-01				9	9/11	Lê Lợi	Đặc cách
375	Nguyễn Lê Hồng	Ân	22-Dec-01				9	'9/2	Bàn Cờ	Đặc cách
376	Phùng Nguyễn Phương	Nhi	04-Jun-01				9	'9/2	Bàn Cờ	Đặc cách
377	Trần Ngọc	Tài	19-Dec-01				9	'9/2	Bàn Cờ	Đặc cách
378	Nguyễn Hồ Sơn	Tùng	06-Dec-01				9	'9/2	Bàn Cờ	Đặc cách
379	Nguyễn Mai	Anh	28-Jul-01				9	'9/3	Bàn Cờ	Đặc cách
380	Vân Hồngminh	Anh	14-Dec-01				9	'9/3	Bàn Cờ	Đặc cách
381	Trần Phước San	Di	01-Sep-01				9	'9/3	Bàn Cờ	Đặc cách
382	Tạ Đức	Huy	22-Oct-01				9	'9/3	Bàn Cờ	Đặc cách
383	Phạm Quang	Khánh	20-Feb-01				9	'9/3	Bàn Cờ	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
384	Nguyễn Quang	Huy	29-Mar-01				9	'9/3	Lương Thế Vinh	Đặc cách
385	Dương Nguyễn Minh	Nghĩa	21-Dec-01				9	'9/4	Lương Thế Vinh	Đặc cách
386	Đoàn Thị Tường	Vy	08-Aug-01				9	'9/6	Bạch Đằng	Đặc cách
387	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	31-Jan-01				9	'9A1	Phan Sào Nam	Đặc cách
388	Lê Thị Thanh	Thảo	14-Mar-01				9	'9A1	Phan Sào Nam	Đặc cách
389	NGUYỄN LÊ VÂN	ANH	26-Oct-05	60113866	6	6			KIẾN THIẾT	
390	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	17-Jan-05	60113878	6	6			KIẾN THIẾT	
391	NGUYỄN QUANG QUỐC	ANH	16-Apr-05	60113893	6	6			KIẾN THIẾT	
392	NGUYỄN THẾ	ANH	22-May-05	60113902	6	6			KIẾN THIẾT	
393	TRẦN LÊ MAI	ANH	31-Jul-05	60113976	6	6			KIẾN THIẾT	
394	VĂN HỒNG	ANH	24-Jun-05	60114017	6	6			KIẾN THIẾT	
395	MAI THANH	CHÂU	12-May-05	60113817	6	6			KIẾN THIẾT	
396	LÊ ĐÌNH KHÁNH	DU	28-Aug-05	60113781	6	6			KIẾN THIẾT	
397	ĐÀO NGỌC THẾ	DƯƠNG	11-Nov-05	60113738	6	6			KIẾN THIẾT	
398	NGUYỄN BÙI KHẢI	HOÀN	17-Jan-05	60113832	6	6			KIẾN THIẾT	
399	VÕ NGUYỄN QUANG	HUY	02-May-05	60114023	6	6			KIẾN THIẾT	
400	LƯƠNG LÊ GIA	KHANH	30-Jul-05	60113807	6	6			KIẾN THIẾT	
401	TRỊNH MINH	KHÔI	10-Oct-05	60114006	6	6			KIẾN THIẾT	
402	VŨ HOÀNG	LỘC	15-Dec-05	60114029	6	6			KIẾN THIẾT	
403	LÊ PHỦ KINH	LUÂN	16-Sep-05	60113794	6	6			KIẾN THIẾT	
404	HUỲNH MINH	NGHI	23-Feb-05	60113770	6	6			KIẾN THIẾT	
405	TRẦN NGỌC YẾN	NHI	27-May-05	60113984	6	6			KIẾN THIẾT	
406	HUỲNH THÁI TẤN	PHÁT	26-Sep-05	60113771	6	6			KIẾN THIẾT	
407	VŨ HOÀNG	PHÚ	15-Dec-05	60114030	6	6			KIẾN THIẾT	
408	ĐẶNG KHÁNH THẢO	PHƯƠNG	19-Oct-05	60113731	6	6			KIẾN THIẾT	
409	LÊ ANH	THU	10-Mar-05	60113778	6	6			KIẾN THIẾT	
410	PHẠM NGUYỄN KIM	THỦY	20-Jun-05	60113930	6	6			KIẾN THIẾT	
411	TRẦN THÁNH	TIÊN	12-Oct-05	60113997	6	6			KIẾN THIẾT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
412	NGUYỄN TRẦN THANH	YÊN	18-Oct-05	60113908	6	6			KIẾN THIẾT	
413	TRƯỜNG NỮ NGỌC	YÊN	31-Mar-05	60114012	6	6			KIẾN THIẾT	
414	NGUYỄN ĐỖ QUỲNH	ANH	01-Mar-05	60142172	6	6			LÊ QUÝ ĐÔN	
415	LÊ NGUYỄN KHÁNH	HÂN	01-Aug-05	60142158	6	6			LÊ QUÝ ĐÔN	
416	NGUYỄN NGỌC	NHI	25-Feb-05	60142171	6	6			LÊ QUÝ ĐÔN	
417	ĐẶNG TRẦN MINH	PHÚC	09-Feb-05	60142165	6	6			LÊ QUÝ ĐÔN	
418	TIẾT PHAN THIÊN	AN	26-Mar-05	60121381	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
419	NGUYỄN HOÀNG	ANH	24-Sep-05	60121367	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
420	LÊ NGỌC	DIỆP	27-Oct-05	60121359	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
421	TRẦN ĐẶNG KHÁNH	DUY	10-Dec-05	60121383	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
422	VÕ HƯƠNG	GIANG	09-Jul-05	60121389	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
423	NGUYỄN GIA	HÂN	23-May-05	60121365	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
424	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	05-May-05	60121374	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
425	HOÀNG GIA	HUY	05-Feb-05	60121356	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
426	LƯƠNG NHẬT	HUY	17-Dec-05	60121362	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
427	PHAN NHẬT	HUY	25-Jan-05	60121378	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
428	NGUYỄN NGỌC	KHANH	05-Apr-05	60121372	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
429	NGÔ VŨ GIA	KHÁNH	16-Aug-05	60121363	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
430	THIỆU MINH	KHUÊ	30-Mar-05	60121380	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
431	DƯ NGUYỄN KIM	LOAN	15-Jul-05	60121354	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
432	TRẦN BẢO	MINH	03-May-05	60121382	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
433	NGUYỄN HỮU NHẬT	NAM	28-Mar-05	60121369	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
434	NGUYỄN TIẾN	NAM	27-Aug-05	60121377	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
435	HỒ THỤY TUYẾT	NGÂN	20-Feb-05	60121355	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
436	TRƯỜNG THIỆN	NHÂN	08-May-05	60121388	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
437	BÙI GIA KHẢ	NHU'	08-Apr-05	60121352	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
438	TRẦN ĐOÀN MINH	NHU'	13-Jul-05	60121384	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
439	NGUYỄN MINH	NHỤT	13-Feb-05	60121371	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
440	LÊ GIA	PHÚC	02-Aug-05	60121357	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
441	LÊ NHẬT	QUANG	20-Oct-05	60121361	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
442	VÕ NGỌC	QUYÊN	22-Feb-05	60121391	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
443	LÊ MINH	TÀI	09-Jun-05	60121358	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
444	TRẦN NGUYỄN MINH	THƯ	08-Nov-05	60121386	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
445	NGUYỄN GIANG NGỌC	TRÂN	07-Sep-05	60121366	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
446	LÊ NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	18-Aug-05	60121360	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
447	VÕ KIM	VÂN	08-Jan-05	60121390	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
448	NGUYỄN THÂN ÁI	VY	11-Jan-05	60121375	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
449	PHAN NHẬT	VY	09-May-05	60121379	6	6/1			BẠCH ĐẰNG	
450	CHÂU MỸ	ANH	21-Sep-05	60113530	6	6/1			HAI BÀ TRƯNG	
451	NGUYỄN TRẦN BẢO	ANH	24-Dec-05	60113532	6	6/1			HAI BÀ TRƯNG	
452	NGUYỄN Ý	HẢO	16-Jul-05	60113533	6	6/1			HAI BÀ TRƯNG	
453	LÊ QUÂN	HIẾU	23-May-05	60113531	6	6/1			HAI BÀ TRƯNG	
454	TRẦN HỒ MINH	QUÂN	28-Dec-05	60113534	6	6/1			HAI BÀ TRƯNG	
455	LÊ TRẦN NHẬT	HẠ	17-Feb-05	60114036	6	6/1			LÊ QUÍ ĐÔN	
456	PHAN GIA TẤN	KHANG	23-Jan-05	60114040	6	6/1			LÊ QUÍ ĐÔN	
457	LÊ ĐỨC	MẠNH	15-Oct-05	60114035	6	6/1			LÊ QUÍ ĐÔN	
458	ĐÀM XUÂN	TRANG	18-Sep-05	60114375	6	6/1			LƯƠNG THỂ VINH	
459	PHAN HỒNG	YẾN	07-Sep-05	60114379	6	6/1			LƯƠNG THỂ VINH	
460	ĐẶNG VÂN	ANH	23-Nov-05	60114405	6	6/1			PHAN SÀO NAM	
461	THÁI LÊ	DUYÊN	26-Sep-05	60114418	6	6/1			PHAN SÀO NAM	
462	LÊ LÝ NHÃ	HÂN	04-Jan-05	60114409	6	6/1			PHAN SÀO NAM	
463	LÊ TRẦN PHÚC	HÀO	28-Feb-05	60142079	6	6/1			PHAN SÀO NAM	
464	PHẠM CẨM HUY	HOÀNG	10-Nov-05	60114417	6	6/1			PHAN SÀO NAM	
465	TRẦN KIM	NGÂN	11-Nov-05	60142116	6	6/1			PHAN SÀO NAM	
466	ĐOÀN NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	22-Oct-05	60114406	6	6/1			PHAN SÀO NAM	
467	THÁI PHONG	NGHĨA	29-Aug-05	60114419	6	6/1			PHAN SÀO NAM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
468	LƯƠNG THỊ QUỲNH	NHU'	26-Jul-05	60142080	6	6/1			PHAN SÀO NAM	
469	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHUNG	13-Jun-05	60114416	6	6/1			PHAN SÀO NAM	
470	TRẦN KIM PHƯƠNG	THẢO	06-Nov-05	60142117	6	6/1			PHAN SÀO NAM	
471	NGUYỄN ÁI	VY	09-Jun-05	60142087	6	6/1			PHAN SÀO NAM	
472	HUỲNH TRẦN TÂM	CHÂU	05-Jan-05	60116824	6	6/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
473	LÊ THẢO	CHI	02-Feb-05	60116825	6	6/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
474	TẠ THU	HÀ	04-Apr-05	60116829	6	6/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
475	NGÔ PHỤNG QUỐC	MINH	04-Dec-05	60116826	6	6/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
476	TRẦN TỔ	QUYÊN	02-Jul-05	60116830	6	6/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
477	NGUYỄN KHÁNH	VINH	19-Nov-05	60116827	6	6/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
478	VÕ THỊ MINH	NGUYỆT	03-Feb-05	60114054	6	6/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
479	PHẠM LÊ YẾN	NHI	13-Aug-05	60114050	6	6/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
480	TRẦN ANH	PHƯƠNG	28-Feb-05	60114051	6	6/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
481	NGUYỄN NGỌC HỒNG	TRÂM	27-Apr-05	60114049	6	6/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
482	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	24-Jan-05	60114046	6	6/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
483	LÊ NGUYỄN THẢO	VY	08-Jan-05	60114047	6	6/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
484	ĐỖ VŨ HƯNG	ANH	06-Mar-05	60114057	6	6/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
485	PHẠM MINH	ANH	10-Oct-05	60114069	6	6/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
486	NGUYỄN HỮU	DUY	14-Dec-05	60114064	6	6/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
487	LẠI ĐĂNG	HUY	17-Aug-05	60114060	6	6/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
488	PHAN TRẦN HOÀNG	KHÔI	30-Sep-05	60114070	6	6/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
489	PHAN VŨ HOÀNG	LONG	06-Dec-05	60114071	6	6/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
490	NGUYỄN CÔNG	MINH	12-Apr-05	60114061	6	6/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
491	NGUYỄN THẢO	MINH	27-May-05	60114068	6	6/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
492	NGUYỄN ĐỖ KHÁNH	NHI	18-Apr-05	60114062	6	6/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
493	NGUYỄN NGỌC MINH	PHÚC	07-Jan-05	60114067	6	6/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
494	DƯƠNG ĐĂNG	PHƯỚC	03-Aug-05	60114058	6	6/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
495	SỬ LINH	NGA	12-Jun-04	60114074	6	6/12			LÊ QUÍ ĐÔN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
496	CÁT LINH	NGÂN	06-Sep-05	60114073	6	6/12			LÊ QUÍ ĐÔN	
497	NGUYỄN NAM	ANH	13-Jun-05	60114080	6	6/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
498	TRẦN MAI	ANH	06-Nov-05	60114085	6	6/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
499	LÊ PHÙNG ĐỨC	KHẢI	18-Jun-05	60114078	6	6/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
500	LÊ HOÀNG TUYẾT	MINH	15-Sep-05	60114077	6	6/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
501	TÔ THẢO	MY	02-Mar-05	60114084	6	6/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
502	NGUYỄN HỒ BẢO	VÂN	24-May-05	60114079	6	6/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
503	ĐINH THỊ QUỲNH	ANH	16-Aug-05	60114086	6	6/16			LÊ QUÍ ĐÔN	
504	NGUYỄN PHÚC THIÊN	DI	23-Oct-05	60114092	6	6/16			LÊ QUÍ ĐÔN	
505	PHẠM NHƯ	HẢO	05-Mar-05	60114095	6	6/16			LÊ QUÍ ĐÔN	
506	TRƯƠNG ĐÌNH	KHÔI	04-Sep-05	60114097	6	6/16			LÊ QUÍ ĐÔN	
507	HOÀNG NGUYỄN THỰC	KHUÊ	05-Mar-05	60114087	6	6/16			LÊ QUÍ ĐÔN	
508	HUỲNH ANH	KIỆT	27-Oct-05	60114088	6	6/16			LÊ QUÍ ĐÔN	
509	NGUYỄN TRẦN BẢO	NHƯ	08-Nov-05	60114093	6	6/16			LÊ QUÍ ĐÔN	
510	PHẠM LÊ BẢO	TRÂN	25-Dec-05	60114094	6	6/16			LÊ QUÍ ĐÔN	
511	TRẦN NGỌC MINH	ANH	16-May-05	60121430	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
512	NGUYỄN LÂM	BÁCH	04-Oct-05	60121413	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
513	LÊ HOÀNG GIA	BẢO	29-Jan-05	60121400	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
514	PHẠM HỒNG QUỐC	BẢO	08-Aug-05	60121422	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
515	LÊ HUY	ĐỨC	16-Jan-05	60121402	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
516	PHÙNG THỊ THANH	HIỀN	15-Apr-05	60121427	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
517	LÊ MINH	HUY	28-Nov-05	60121403	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
518	LƯƠNG MỸ	KHÁNH	19-Jul-05	60121406	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
519	NGÔ LÊ ĐĂNG	KHOA	23-Feb-05	60121410	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
520	NGUYỄN PHẠM ANH	KHOA	06-Apr-05	60121417	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
521	NGUYỄN PHẠM ĐĂNG	KHOA	06-Apr-05	60121418	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
522	PHẠM ANH	KHOA	08-Jan-05	60121421	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
523	PHẠM MINH	KHOA	12-Jul-05	60121423	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
524	PHAN HOÀNG KHÁNH	LINH	05-Mar-05	60121425	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
525	NGUYỄN TRẦN ÁNH	MINH	25-Jan-05	60121420	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
526	TRẦN KHÁNH	MY	13-Sep-05	60121428	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
527	ĐẶNG GIA	NGHI	20-Sep-05	60121394	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
528	NGUYỄN KHÁNH	NHU	25-Feb-05	60121412	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
529	PHAN THÁI	QUANG	16-Dec-05	60121426	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
530	NGÔ ĐIỂM	QUYÊN	06-Sep-05	60121408	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
531	NGUYỄN TRẦN ÁI	QUỲNH	15-Nov-05	60121419	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
532	TRẦN THANH	TÂN	01-Jan-05	60121432	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
533	BÙI THỂ GIA	THIỀU	19-Mar-05	60121393	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
534	LÊ MINH	THU	03-Mar-05	60121404	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
535	LÊ NGỌC BÍCH	TRÂM	11-Oct-05	60121405	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
536	NGUYỄN LÊ THÙY	TRÂM	02-Dec-05	60121414	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
537	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	01-Jul-05	60121416	6	6/2			BẠCH ĐẰNG	
538	NGUYỄN NGỌC THƯƠNG	ÁI	25-Oct-05	60113486	6	6/2			BÀN CỜ	
539	NGUYỄN NAM	AN	18-Dec-05	60113484	6	6/2			BÀN CỜ	
540	TRẦN NGỌC NHƯ	BÌNH	10-Apr-05	60113491	6	6/2			BÀN CỜ	
541	TRẦN NGỌC	DOANH	23-May-05	60113490	6	6/2			BÀN CỜ	
542	LƯU ĐỨC	HOÀNG	20-Apr-05	60113479	6	6/2			BÀN CỜ	
543	LÝ KIM	NGÂN	23-Nov-05	60113480	6	6/2			BÀN CỜ	
544	TRẦN NGUYỄN PHÚ	NGHĨA	09-Jan-05	60113492	6	6/2			BÀN CỜ	
545	ĐINH DƯƠNG THẢO	NGUYỄN	03-Jul-05	60113478	6	6/2			BÀN CỜ	
546	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	NHI	24-Sep-05	60113485	6	6/2			BÀN CỜ	
547	VÕ MINH	QUYÊN	14-Jul-05	60113493	6	6/2			BÀN CỜ	
548	LÝ TRẦN THU	THẢO	24-May-05	60113481	6	6/2			BÀN CỜ	
549	NGUYỄN MINH	TIẾN	12-Sep-05	60113483	6	6/2			BÀN CỜ	
550	NGUYỄN TRẦN	TIẾN	13-Oct-05	60113488	6	6/2			BÀN CỜ	
551	NGUYỄN BẢO KHÁNH	TRANG	09-Oct-05	60113482	6	6/2			BÀN CỜ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
552	LÊ PHƯƠNG	ANH	19-Jan-05	60113535	6	6/2			HAI BÀ TRƯNG	
553	HOÀNG NGỌC MINH	ANH	20-Nov-05	60114107	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
554	LÊ ĐOÀN TÚ	ANH	26-Mar-05	60114110	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
555	PHẠM NGUYỄN QUỲNH	ANH	13-Mar-05	60114140	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
556	HOÀNG MINH	HÀ	28-Oct-05	60114106	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
557	LÊ TRẦN BẢO	HÂN	20-Jul-05	60114112	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
558	NGUYỄN ĐỖ MINH	HƯƠNG	25-Jan-05	60114120	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
559	TRỊNH XUÂN	KHUÊ	05-May-05	60114145	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
560	NGUYỄN THẢO	LINH	01-Jun-05	60114133	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
561	ĐINH TUỜNG	MY	05-Oct-05	60114102	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
562	PHẠM HOÀN	MỸ	21-Nov-05	60114139	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
563	NGUYỄN HỮU BẢO	NGÂN	08-Jul-05	60114125	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
564	CAO THIÊN	NHÂN	18-Jul-05	60114100	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
565	LÊ THÁI QUỲNH	NHU	26-Jul-05	60114111	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
566	ĐẶNG NGUYỄN MÂN	TRÂN	15-Mar-05	60114101	6	6/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
567	NGÔ QUỲNH	ANH	03-Dec-05	60114382	6	6/2			LƯƠNG THẾ VINH	
568	MAI THÀNH	DANH	20-Mar-05	60114381	6	6/2			LƯƠNG THẾ VINH	
569	TRẦN HUỲNH NHƯ	NGỌC	27-Dec-05	60114385	6	6/2			LƯƠNG THẾ VINH	
570	DƯƠNG THỊ XUÂN	AN	26-Jan-05	60114422	6	6/2			PHAN SÀO NAM	
571	PHẠM QUỐC	AN	10-Jan-05	60114427	6	6/2			PHAN SÀO NAM	
572	THÁI CAO	HÀO	04-Nov-05	60114428	6	6/2			PHAN SÀO NAM	
573	NGUYỄN QUANG	HUY	22-Aug-05	60114426	6	6/2			PHAN SÀO NAM	
574	TRẦN HUỲNH THẢO	VÂN	11-Oct-05	60114430	6	6/2			PHAN SÀO NAM	
575	LÊ MINH NGUYỄN	NGỌC	24-Aug-05	60116832	6	6/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
576	TRẦN TÂM	THANH	27-Jul-05	60116835	6	6/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
577	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	15-Nov-05	60116833	6	6/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
578	HOÀNG	YẾN	19-Aug-05	60116831	6	6/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
579	ĐIỀN LÊ LAN	ANH	15-Dec-05	60121436	6	6/3			BẠCH ĐẰNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
580	MAI QUỐC	BÌNH	22-Jan-05	60121454	6	6/3			BẠCH ĐẰNG	
581	NGUYỄN HÀ LINH	ĐAN	27-Feb-05	60121458	6	6/3			BẠCH ĐẰNG	
582	LÊ QUANG	DUY	11-Nov-05	60121450	6	6/3			BẠCH ĐẰNG	
583	LÊ HOÀNG	LÂM	07-Jul-05	60121446	6	6/3			BẠCH ĐẰNG	
584	TRẦN PHƯƠNG	NGHI	04-Nov-05	60121472	6	6/3			BẠCH ĐẰNG	
585	LÂM TIẾN	PHÚC	25-Aug-05	60121443	6	6/3			BẠCH ĐẰNG	
586	TRƯƠNG TRẦN QUAN	VINH	29-Mar-05	60121475	6	6/3			BẠCH ĐẰNG	
587	ĐẶNG THỊ TUYẾT	NGA	03-Sep-05	60114433	6	6/3			PHAN SÀO NAM	
588	LÊ NGUYỄN THY	AN	30-Dec-05	60116841	6	6/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
589	TRẦN AN	BÌNH	08-Jan-05	60116849	6	6/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
590	CAO MINH	DUY	24-Oct-05	60116836	6	6/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
591	LÊ QUỐC	HUY	07-May-05	60116842	6	6/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
592	ĐƯƠNG VŨ NGỌC	LINH	02-Nov-05	60116837	6	6/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
593	NGUYỄN NGỌC THU	NGÂN	28-Jun-05	60116845	6	6/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
594	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	03-Apr-05	60116844	6	6/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
595	LÊ KHÔI	NGUYỄN	20-Sep-05	60116840	6	6/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
596	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	09-Mar-05	60116848	6	6/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
597	TRẦN MINH	TRUNG	25-May-05	60116850	6	6/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
598	NGUYỄN HẢI	YẾN	30-Nov-05	60116843	6	6/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
599	TRẦN NGỌC	ANH	15-Jul-05	60113542	6	6/4			HAI BÀ TRƯNG	
600	HUỲNH MINH	HOÀNG	12-Apr-05	60113538	6	6/4			HAI BÀ TRƯNG	
601	NGUYỄN THỊ MAI	THY	23-Jun-05	60113541	6	6/4			HAI BÀ TRƯNG	
602	PHAN TRỌNG	HÀO	23-Aug-05	60116857	6	6/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
603	NGUYỄN VƯƠNG	TÚ	23-Aug-05	60116856	6	6/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
604	NGUYỄN THỊ NHƯ	ÁI	22-Sep-05	60121551	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	
605	HOÀNG HỒNG	ÂN	10-Jun-05	60121530	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	
606	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	01-Jul-05	60121555	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	
607	ĐOÀN NGỌC BẢO	HÂN	01-Jan-05	60121527	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
608	LƯƠNG GIA	HÂN	12-Feb-05	60121535	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	
609	NGUYỄN MINH	HÙNG	02-Oct-05	60121544	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	
610	LÊ ANH	HUY	22-Apr-05	60121534	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	
611	PHAN THANH	HUY	25-Feb-05	60121558	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	
612	NGUYỄN THÁI BẢO	KHANG	15-Apr-05	60121549	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	
613	NGUYỄN ĐỨC MINH	NHẬT	27-Feb-05	60121540	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	
614	NGUYỄN TRUNG	NHẬT	13-Jul-05	60121553	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	
615	ĐÀO NGỌC TUYẾT	NHI	07-Jan-05	60121524	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	
616	PHẠM THIÊN	TRANG	26-May-05	60121556	6	6/5			BẠCH ĐẰNG	
617	TRẦN NGỌC MINH	AN	27-Jan-05	60113549	6	6/5			HAI BÀ TRƯNG	
618	ĐỖ HỮU TUẤN	KHÔI	22-Apr-05	60113544	6	6/5			HAI BÀ TRƯNG	
619	LÊ VÂN	LY	19-Apr-05	60113546	6	6/5			HAI BÀ TRƯNG	
620	DƯƠNG QUỐC TRÍ	TÀI	07-Sep-05	60113545	6	6/5			HAI BÀ TRƯNG	
621	VŨ LÊ ANH	THƯ	23-Nov-05	60113550	6	6/5			HAI BÀ TRƯNG	
622	ĐỖ LÊ PHƯƠNG	ANH	28-Dec-05	60114150	6	6/5			LÊ QUÍ ĐÔN	
623	NGUYỄN NGỌC KIM	ANH	05-Feb-05	60116863	6	6/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
624	HOÀNG XUÂN	BÁCH	24-Jul-05	60116859	6	6/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
625	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	24-Dec-05	60116861	6	6/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
626	NGUYỄN HOÀNG THÁI	HÒA	28-Apr-05	60116862	6	6/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
627	PHAN GIA	KHANH	10-Oct-05	60116865	6	6/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
628	ĐỖ MINH	NHU	29-Mar-05	60116858	6	6/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
629	TÔN LONG	THỊNH	10-Mar-05	60116866	6	6/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
630	NGUYỄN BẢO	TOÀN	17-Aug-05	60116860	6	6/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
631	NGUYỄN PHẠM SƠN	TÙNG	24-Sep-05	60116864	6	6/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
632	VINCENT CÔNG MINH	VISSER	06-Feb-05	60116867	6	6/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
633	LƯU PHẠM KHÁNH	HOÀNG	25-Oct-05	60121584	6	6/6			BẠCH ĐẰNG	
634	NGUYỄN NGỌC THANH	NHÃ	14-Feb-05	60121594	6	6/6			BẠCH ĐẰNG	
635	ĐÀO THI	THU	09-Jan-05	60121570	6	6/6			BẠCH ĐẰNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
636	NGUYỄN TRẦN XUÂN	UYÊN	06-May-05	60121600	6	6/6			BẠCH ĐẰNG	
637	TÔ QUẾ	ANH	01-Feb-05	60113559	6	6/6			HAI BÀ TRƯNG	
638	ĐẶNG THIÊN	BẢO	31-May-05	60113552	6	6/6			HAI BÀ TRƯNG	
639	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	04-Oct-05	60113558	6	6/6			HAI BÀ TRƯNG	
640	TRẦN THANH VIỆT	KHANG	19-Feb-05	60113561	6	6/6			HAI BÀ TRƯNG	
641	NGUYỄN GIA	KHÁNH	12-Jul-05	60113556	6	6/6			HAI BÀ TRƯNG	
642	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG	KHOA	19-May-05	60113557	6	6/6			HAI BÀ TRƯNG	
643	LÊ TRẦN PHƯƠNG	NGHI	30-Mar-05	60113554	6	6/6			HAI BÀ TRƯNG	
644	ĐẶNG THẢO	NGUYỄN	28-Jul-05	60113551	6	6/6			HAI BÀ TRƯNG	
645	DƯƠNG NGỌC BẢO	TRÂN	11-May-05	60113553	6	6/6			HAI BÀ TRƯNG	
646	VÕ THỤY MINH	TÚ	17-Oct-05	60113562	6	6/6			HAI BÀ TRƯNG	
647	NGÔ PHƯƠNG	VY	19-Jan-05	60113555	6	6/6			HAI BÀ TRƯNG	
648	PHẠM THÁI LAN	ANH	18-Mar-05	60121645	6	6/7			BẠCH ĐẰNG	
649	QUÁCH NGỌC VÂN	ANH	14-Sep-05	60121650	6	6/7			BẠCH ĐẰNG	
650	HỒ VŨ MẠNH	CƯỜNG	01-Nov-05	60121620	6	6/7			BẠCH ĐẰNG	
651	TỪ KHÁNH	HOÀNG	03-May-05	60121655	6	6/7			BẠCH ĐẰNG	
652	LÊ PHƯỚC MINH	KHUÊ	12-May-05	60121626	6	6/7			BẠCH ĐẰNG	
653	PHAN MINH	KHUÊ	21-Jul-05	60121649	6	6/7			BẠCH ĐẰNG	
654	PHAN ANH ÁNH	MAI	01-Sep-05	60121648	6	6/7			BẠCH ĐẰNG	
655	PHẠM HOÀNG	PHÚC	21-Dec-05	60121644	6	6/7			BẠCH ĐẰNG	
656	NGUYỄN THỊ UYÊN	PHƯƠNG	19-May-05	60121643	6	6/7			BẠCH ĐẰNG	
657	NGUYỄN NGỌC TÚ	UYÊN	25-Oct-05	60121640	6	6/7			BẠCH ĐẰNG	
658	CÁT ĐOÀN Ý	VY	02-Jun-05	60121614	6	6/7			BẠCH ĐẰNG	
659	HUỲNH MINH	KHOA	18-May-05	60113564	6	6/7			HAI BÀ TRƯNG	
660	ĐẶNG NGỌC VÂN	TRINH	04-Jan-05	60113563	6	6/7			HAI BÀ TRƯNG	
661	VÕ HUY	HOÀNG	01-Oct-05	60114162	6	6/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
662	Trần Lê bảo	Ngọc	19-May-05	60114161	6	6/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
663	HUỲNH PHƯƠNG	ANH	15-Mar-05	60113572	6	6/8			HAI BÀ TRƯNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
664	VÕ PHÚC	BẢO	09-Jun-05	60113582	6	6/8			HAI BÀ TRƯNG	
665	PHAN HOÀNG NGỌC	HÂN	12-Oct-05	60113580	6	6/8			HAI BÀ TRƯNG	
666	LÊ QUANG MINH	KHOA	08-Aug-05	60113573	6	6/8			HAI BÀ TRƯNG	
667	NGUYỄN XUÂN ANH	KHOA	22-Dec-05	60113578	6	6/8			HAI BÀ TRƯNG	
668	NGUYỄN THẾ	PHÁT	30-Jul-05	60113577	6	6/8			HAI BÀ TRƯNG	
669	HOÀNG THỤY PHƯƠNG	UYÊN	26-Sep-05	60113571	6	6/8			HAI BÀ TRƯNG	
670	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	UYÊN	12-Oct-05	60113576	6	6/8			HAI BÀ TRƯNG	
671	TRẦN HUY CHIÊU	VINH	15-Aug-05	60113581	6	6/8			HAI BÀ TRƯNG	
672	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	23-Jul-05	60114165	6	6/8			LÊ QUÍ ĐÔN	
673	NGUYỄN NHẬT	LAM	29-Jul-05	60114164	6	6/8			LÊ QUÍ ĐÔN	
674	TRẦN NGỌC	LINH	19-Mar-05	60114167	6	6/8			LÊ QUÍ ĐÔN	
675	ĐOÀN HƯƠNG	GIANG	11-Aug-05	60113587	6	6/9			HAI BÀ TRƯNG	
676	PHẠM VŨ MINH	KIỆT	27-Jul-05	60113594	6	6/9			HAI BÀ TRƯNG	
677	BÙI KHÁNH	LINH	12-Apr-05	60113583	6	6/9			HAI BÀ TRƯNG	
678	LẠI MINH	QUÂN	21-Jul-05	60113589	6	6/9			HAI BÀ TRƯNG	
679	ĐỖ THÁI MINH	THÙY	16-Feb-05	60113586	6	6/9			HAI BÀ TRƯNG	
680	PHẠM LÊ QUỐC	AN	15-Jun-05	60114176	6	6/9			LÊ QUÍ ĐÔN	
681	QUÁCH GIA	BẢO	05-Apr-05	60114179	6	6/9			LÊ QUÍ ĐÔN	
682	LÊ LƯU LAN	CHI	27-Dec-05	60114169	6	6/9			LÊ QUÍ ĐÔN	
683	PHẠM LINH	ĐAN	19-Jul-05	60114177	6	6/9			LÊ QUÍ ĐÔN	
684	TRẦN THÚY	HIỀN	03-Mar-05	60114180	6	6/9			LÊ QUÍ ĐÔN	
685	NGUYỄN L ANH	KHÔI	04-Jan-05	60114173	6	6/9			LÊ QUÍ ĐÔN	
686	PHẠM KHÁNH	LINH	30-Sep-05	60114175	6	6/9			LÊ QUÍ ĐÔN	
687	ĐẠI TƯỜNG	VY	30-Jul-05	60114168	6	6/9			LÊ QUÍ ĐÔN	
688	HƯỚNG NGUYỄN XUÂN	AN	15-Jul-05	60142226	6	6-1			LÊ LỢI	
689	ĐẶNG QUỐC NAM	ANH	04-Aug-05	60142218	6	6-1			LÊ LỢI	
690	LƯƠNG GIA	BẢO	16-Nov-05	60142231	6	6-1			LÊ LỢI	
691	LÊ NGỌC LINH	ĐAN	26-Jun-05	60142228	6	6-1			LÊ LỢI	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
692	TRANG HY	ĐAN	18-Aug-05	60142259	6	6-1			LÊ LỢI	
693	LÊ HỮU	KHANG	14-Jul-05	60142227	6	6-1			LÊ LỢI	
694	PHẠM AN	KHANG	03-Feb-05	60142249	6	6-1			LÊ LỢI	
695	HỒ ĐĂNG	KHOA	05-Jan-05	60142223	6	6-1			LÊ LỢI	
696	TỪ ĐĂNG	KHOA	03-Oct-05	60142261	6	6-1			LÊ LỢI	
697	ĐỖ LÝ ĐĂNG	KHÔI	10-Mar-05	60142220	6	6-1			LÊ LỢI	
698	LÊ NGUYỄN THÙY	LINH	27-May-05	60142229	6	6-1			LÊ LỢI	
699	PHÙNG THỊ THÙY	LINH	11-Feb-05	60142252	6	6-1			LÊ LỢI	
700	TRƯƠNG BẢO	LONG	24-May-05	60142260	6	6-1			LÊ LỢI	
701	NGUYỄN HỮU PHÚC	MINH	24-Aug-05	60142236	6	6-1			LÊ LỢI	
702	TRẦN NHẬT	MINH	4-May-05	60142256	6	6-1			LÊ LỢI	
703	TRẦN YẾN	NHI	28-Dec-05	60142258	6	6-1			LÊ LỢI	
704	HỒ QUỲNH	NHƯ	20-Jun-05	60142224	6	6-1			LÊ LỢI	
705	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHƯ	1-Jun-05	60142240	6	6-1			LÊ LỢI	
706	NGUYỄN THIÊN	PHÚC	01-May-05	60142246	6	6-1			LÊ LỢI	
707	TRẦN QUỲNH NAM	PHƯƠNG	22-Nov-05	60142257	6	6-1			LÊ LỢI	
708	PHAN LÊ	QUANG	25-Jan-05	60142251	6	6-1			LÊ LỢI	
709	ĐINH NGUYỄN KHÁNH	QUỲNH	14-Sep-05	60142219	6	6-1			LÊ LỢI	
710	PHẠM NGỌC BẢO	TÂM	4-Jan-05	60142250	6	6-1			LÊ LỢI	
711	NGUYỄN NHẬT	THY	25-Sep-05	60142242	6	6-1			LÊ LỢI	
712	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THY	18-Apr-05	60142255	6	6-1			LÊ LỢI	
713	LƯU THANH	TRÚC	02-Dec-05	60142232	6	6-1			LÊ LỢI	
714	NGUYỄN MINH	TRỰC	12-Dec-05	60142239	6	6-1			LÊ LỢI	
715	TRẦN PHẠM THU	AN	21-Sep-05	60142303	6	6-10			LÊ LỢI	
716	PHẠM NGUYỄN MAI	HỒNG	06-Feb-05	60142295	6	6-10			LÊ LỢI	
717	NGUYỄN HỮU ĐĂNG	KHÔI	21-Aug-05	60142284	6	6-10			LÊ LỢI	
718	NGUYỄN ANH	TÀI	01-Apr-05	60142276	6	6-10			LÊ LỢI	
719	LƯU TUẤN	VĨ	07-Jun-05	60142273	6	6-10			LÊ LỢI	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
720	PHẠM TRANG	VY	07-Mar-05	60142297	6	6-10			LÊ LỢI	
721	DƯƠNG NHẬT	ANH	18-Jun-05	60142312	6	6-2			LÊ LỢI	
722	TRẦN NGUYỄN VÂN	ANH	09-Jul-05	60142344	6	6-2			LÊ LỢI	
723	TRẦN TÚ	ANH	18-Aug-05	60142346	6	6-2			LÊ LỢI	
724	TRỊNH NGUYỄN BĂNG	BĂNG	04-Nov-05	60142347	6	6-2			LÊ LỢI	
725	THẠCH BẢO	BẢO	16-Mar-05	60142342	6	6-2			LÊ LỢI	
726	ĐỖ LÊ NGUYỄN	ĐAN	05-Oct-05	60142309	6	6-2			LÊ LỢI	
727	ĐỖ LÊ PHÚC	ĐỨC	13-May-05	60142310	6	6-2			LÊ LỢI	
728	HOÀNG ÁNH	DƯƠNG	6-Jul-05	60142314	6	6-2			LÊ LỢI	
729	LÊ MINH	DUY	09-Dec-05	60142318	6	6-2			LÊ LỢI	
730	PHẠM LA CHÍ	DUY	05-Sep-05	60142336	6	6-2			LÊ LỢI	
731	ĐOÀN LÊ HUY	HOÀNG	18-Sep-05	60142311	6	6-2			LÊ LỢI	
732	DƯƠNG PHƯƠNG	KHANG	31-Jan-05	60142313	6	6-2			LÊ LỢI	
733	NGUYỄN ANH	KHANG	15-Feb-05	60142323	6	6-2			LÊ LỢI	
734	HỨA GIA	KIỆT	28-Jul-05	60142316	6	6-2			LÊ LỢI	
735	QUÁCH HOÀNG	LỘC	11-Jun-05	60142339	6	6-2			LÊ LỢI	
736	NGUYỄN NGỌC ÁNH	MAI	23-Feb-05	60142332	6	6-2			LÊ LỢI	
737	NGUYỄN NGỌC	NHI	12-Nov-05	60142331	6	6-2			LÊ LỢI	
738	LÊ THIÊN	PHÚC	12-Mar-05	60142320	6	6-2			LÊ LỢI	
739	TẠ NHẬT NAM	QUANG	01-Jun-05	60142340	6	6-2			LÊ LỢI	
740	PHẠM NGUYỄN THANH	SANG	31-May-05	60142338	6	6-2			LÊ LỢI	
741	NGUYỄN NGỌC THIÊN	THU'	2-Sep-05	60142334	6	6-2			LÊ LỢI	
742	MAI THANH	THỦY	27-Nov-05	60142322	6	6-2			LÊ LỢI	
743	HOÀNG MẠNH	TIẾN	12-Jul-05	60142315	6	6-2			LÊ LỢI	
744	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	14-Sep-05	60142333	6	6-2			LÊ LỢI	
745	MAI NGỌC THANH	TRÚC	14-Feb-05	60142321	6	6-2			LÊ LỢI	
746	PHẠM NGỌC	TUYẾT	05-Aug-05	60142337	6	6-2			LÊ LỢI	
747	TRẦN CÁT	ANH	13-Jul-05	60113155	6	6A1			COLETTE	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
748	TRƯỜNG TUỜNG	BÁCH	26-Apr-05	60113162	6	6A1			COLETTE	
749	ĐÀO LÊ NGÂN	CHÂU	26-Apr-05	60113132	6	6A1			COLETTE	
750	PHẠM NGUYỄN NGHI	DUNG	03-Nov-05	60113153	6	6A1			COLETTE	
751	TRẦN TUẤN	KHA	03-Feb-05	60113160	6	6A1			COLETTE	
752	HOÀNG ĐỨC MINH	KHANG	30-Dec-05	60113136	6	6A1			COLETTE	
753	LÊ CAO DUY	KHƯƠNG	29-Mar-05	60113138	6	6A1			COLETTE	
754	BẠCH GIA	LÂM	09-Mar-05	60113128	6	6A1			COLETTE	
755	NGUYỄN TUẤN	MINH	08-Dec-05	60113152	6	6A1			COLETTE	
756	LÂM HOÀNG	NAM	17-Jan-05	60113137	6	6A1			COLETTE	
757	ĐÀO THUY XUÂN	NGHI	13-Feb-05	60113133	6	6A1			COLETTE	
758	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	NGHI	01-Jan-05	60113144	6	6A1			COLETTE	
759	BÙI ANH	NGUYỄN	17-May-05	60113129	6	6A1			COLETTE	
760	TẶNG BẢO	NHI	16-Mar-05	60113154	6	6A1			COLETTE	
761	DUỖNG NGỌC ĐAN	THANH	19-Feb-05	60113135	6	6A1			COLETTE	
762	TRƯỜNG ÁI	THUYỀN	26-Apr-05	60113161	6	6A1			COLETTE	
763	TRẦN MINH	TUẤN	01-Mar-05	60113157	6	6A1			COLETTE	
764	LÊ NGUYỄN CÁT	TƯỜNG	08-Apr-05	60113139	6	6A1			COLETTE	
765	TRẦN MINH	TUYỀN	26-Jan-05	60113158	6	6A1			COLETTE	
766	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	29-Nov-05	60121876	6	6A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
767	BÙI GIA	BẢO	04-Oct-05	60121878	6	6A10			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
768	LÊ NGỌC BẢO	CHÂU	24-Sep-05	60121883	6	6A10			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
769	LƯƠNG NHẤT	KHÔI	28-Mar-05	60121884	6	6A10			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
770	ĐINH VŨ THIÊN	KIM	29-Oct-05	60121879	6	6A10			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
771	PHẠM HOÀNG YẾN	LINH	02-Dec-05	60121887	6	6A10			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
772	NGUYỄN THỊ TRÚC	MAI	07-Oct-05	60121885	6	6A10			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
773	ĐỖ TẤN	TÀI	23-Jun-05	60121880	6	6A10			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
774	TRẦN HỒNG PHÚC	AN	18-Jun-05	60113204	6	6A2			COLETTE	
775	NGUYỄN CHÂU	ANH	06-Oct-05	60113180	6	6A2			COLETTE	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
776	NGUYỄN MINH	ANH	05-Jan-05	60113189	6	6A2			COLETTE	
777	PHẠM MINH	ANH	20-Jul-05	60113196	6	6A2			COLETTE	
778	NGUYỄN HUY	BẢO	22-Feb-05	60113188	6	6A2			COLETTE	
779	TRẦN GIA	BẢO	31-Aug-05	60113203	6	6A2			COLETTE	
780	NGUYỄN QUẾ	CHÂU	07-Apr-05	60113192	6	6A2			COLETTE	
781	MẠC HOÀNG TÙNG	CHI	16-Jun-05	60113179	6	6A2			COLETTE	
782	ĐẶNG NGUYỄN NGUYÊN	ĐĂNG	09-May-05	60113166	6	6A2			COLETTE	
783	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	19-Jul-05	60113182	6	6A2			COLETTE	
784	NGUYỄN MINH	ĐỨC	06-Mar-05	60113190	6	6A2			COLETTE	
785	LÊ MINH	DUY	26-Feb-05	60113174	6	6A2			COLETTE	
786	TRẦN JOHN KEVIN	ENRIQUEZ	20-May-05	60113202	6	6A2			COLETTE	
787	ĐẶNG	HẢI	19-Feb-05	60113165	6	6A2			COLETTE	
788	LÝ KIM	HOÀN	13-Jan-05	60113178	6	6A2			COLETTE	
789	TRẦN NGỌC VIỆT	HOÀNG	06-May-05	60113206	6	6A2			COLETTE	
790	LÂM GIA	HUÊ	01-Jan-05	60113172	6	6A2			COLETTE	
791	PHẠM PHÚ	HUNG	04-Dec-05	60113197	6	6A2			COLETTE	
792	NGUYỄN TUẤN	KHẢI	30-Apr-05	60113194	6	6A2			COLETTE	
793	HOÀNG Mẫn	KHÁNH	02-Sep-05	60113170	6	6A2			COLETTE	
794	TRẦN VID ĐĂNG	KHOA	09-Mar-05	60113208	6	6A2			COLETTE	
795	NGUYỄN ĐỨC ANH	KIÊN	22-Mar-05	60113181	6	6A2			COLETTE	
796	NGUYỄN HOÀNG GIA	KIÊN	15-Sep-05	60113184	6	6A2			COLETTE	
797	LÂM KHÁNH	LINH	11-Mar-05	60113173	6	6A2			COLETTE	
798	VÕ NGUYỄN NHẬT	MINH	03-Nov-05	60113212	6	6A2			COLETTE	
799	VÕ NHƯ	MINH	13-Jul-05	60113213	6	6A2			COLETTE	
800	TẠ THIÊN	NGỌC	23-Jul-05	60113200	6	6A2			COLETTE	
801	VĂN BÁ THIÊN	NHÂN	7-Jan-05	60113211	6	6A2			COLETTE	
802	TRẦN NGÔ MINH	NHẬT	16-Jan-05	60113205	6	6A2			COLETTE	
803	PHAN NGUYỄN THẢO	NHƯ	08-Aug-05	60113199	6	6A2			COLETTE	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
804	HÀ VĨNH	PHÚ	25-Feb-05	60113169	6	6A2			COLETTE	
805	TRƯỜNG ĐÌNH THIÊN	PHÚC	27-Dec-05	60113210	6	6A2			COLETTE	
806	DƯƠNG NGHIỆP	QUÝ	11-Jan-05	60113168	6	6A2			COLETTE	
807	TỔNG NGỌC ĐAN	QUỲNH	16-Jul-05	60113201	6	6A2			COLETTE	
808	NGUYỄN HƯƠNG THẢO	THẢO	11-Oct-05	60113186	6	6A2			COLETTE	
809	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	08-Feb-05	60113191	6	6A2			COLETTE	
810	LÊ THU	THỦY	01-Oct-05	60113176	6	6A2			COLETTE	
811	PHAN NGUYỄN BẢO	TRÂN	26-Mar-05	60113198	6	6A2			COLETTE	
812	NGUYỄN XUÂN	TRANG	18-Sep-05	60113195	6	6A2			COLETTE	
813	LÊ MINH	TRÍ	02-Jan-05	60113175	6	6A2			COLETTE	
814	NGUYỄN TRẦN THANH	TRÚC	31-Jan-05	60113193	6	6A2			COLETTE	
815	NGUYỄN HOÀNG	TUÂN	10-Oct-05	60113183	6	6A2			COLETTE	
816	TRẦN NGUYỄN THUY	VÂN	25-Apr-05	60113207	6	6A2			COLETTE	
817	NGUYỄN HOÀNG TRIỆU	YÊN	16-Aug-05	60113185	6	6A2			COLETTE	
818	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	15-Jan-05	60113234	6	6A3			COLETTE	
819	PHẠM HÀ PHƯƠNG	ANH	08-Dec-05	60113239	6	6A3			COLETTE	
820	TRẦN HOÀNG NGỌC	ANH	01-Jun-05	60113253	6	6A3			COLETTE	
821	TRẦN QUỲNH	ANH	06-Oct-05	60113259	6	6A3			COLETTE	
822	TRƯỜNG THỰC	ANH	05-Jul-05	60113262	6	6A3			COLETTE	
823	VŨ MINH	BẢO	05-Aug-05	60113264	6	6A3			COLETTE	
824	NGUYỄN MINH	CƯỜNG	13-May-05	60113231	6	6A3			COLETTE	
825	TRẦN DƯƠNG	ĐÔNG	01-Nov-05	60113251	6	6A3			COLETTE	
826	HỒ NHẬT	DUY	26-May-05	60113217	6	6A3			COLETTE	
827	PHẠM NHUỆ	GIANG	20-Sep-05	60113243	6	6A3			COLETTE	
828	PHAN THANH	HÀ	27-Sep-05	60113248	6	6A3			COLETTE	
829	PHẠM VIỆT	HOÀNG	25-Nov-05	60113245	6	6A3			COLETTE	
830	TRẦN NGUYỄN AN	HUNG	08-Oct-05	60113257	6	6A3			COLETTE	
831	TRỊNH QUỐC	HUNG	18-May-05	60113260	6	6A3			COLETTE	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
832	PHẠM MINH	KHOA	13-Jul-05	60113242	6	6A3			COLETTE	
833	PHẠM LÊ THIÊN	KIM	01-Aug-05	60113241	6	6A3			COLETTE	
834	NGUYỄN HỒ	LIÊM	27-Nov-05	60113229	6	6A3			COLETTE	
835	PHAN KHÁNH	LINH	08-Nov-05	60113247	6	6A3			COLETTE	
836	NGHIÊM HOÀNG	MINH	17-Feb-05	60113225	6	6A3			COLETTE	
837	NGUYỄN NGỌC HÀ	MY	09-Jul-05	60113233	6	6A3			COLETTE	
838	NGUYỄN PHÚC GIA	NGHI	19-Aug-05	60113236	6	6A3			COLETTE	
839	TRẦN NGUYỄN BẢO	NGỌC	14-Aug-05	60113258	6	6A3			COLETTE	
840	LÊ NGỌC	NGUYỄN	01-Feb-05	60113220	6	6A3			COLETTE	
841	NGUYỄN LÊ KHÔI	NGUYỄN	08-Oct-05	60113230	6	6A3			COLETTE	
842	NGUYỄN TRÚC XUÂN	NGUYỄN	01-Apr-05	60113238	6	6A3			COLETTE	
843	LÝ HUỆ	NHÀN	19-Aug-05	60113224	6	6A3			COLETTE	
844	NGUYỄN NGỌC BẢO	PHÚC	24-May-05	60113232	6	6A3			COLETTE	
845	NGUYỄN ĐOÀN THIÊN	THẢO	13-Sep-05	60113228	6	6A3			COLETTE	
846	QUẢN THỊ MINH	THẢO	22-Feb-05	60113250	6	6A3			COLETTE	
847	NGUYỄN PHÚC AN	THƯ	20-Feb-05	60113235	6	6A3			COLETTE	
848	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG	THÙY	25-Nov-05	60113227	6	6A3			COLETTE	
849	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	TRANG	01-Sep-05	60113237	6	6A3			COLETTE	
850	LÝ GIA	TRIẾT	24-Mar-05	60113223	6	6A3			COLETTE	
851	LƯƠNG VĨNH	TRUNG	25-Sep-05	60113222	6	6A3			COLETTE	
852	TRẦN HOÀNG MINH	TÚ	09-Nov-05	60113252	6	6A3			COLETTE	
853	LÊ NGUYỄN	VINH	22-Jul-05	60113221	6	6A3			COLETTE	
854	ĐOÀN TRẦN THẢO	VY	19-Jun-05	60113216	6	6A3			COLETTE	
855	PHAN TRẦN TUYẾT	VY	17-Oct-05	60113249	6	6A3			COLETTE	
856	TRẦN NGỌC NHƯ	Ý	16-Nov-05	60113256	6	6A3			COLETTE	
857	NGUYỄN ĐÌNH HOÀI	YÊN	03-Jul-05	60113226	6	6A3			COLETTE	
858	VĂN LỆ	NHIÊN	20-Sep-05	60121894	6	6A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
859	PHẠM THANH	BÌNH	18-Jul-05	60113267	6	6A4			COLETTE	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
860	TĂNG BẢO	HUY	23-Jul-05	60113268	6	6A4			COLETTE	
861	VƯƠNG QUỲNH	ANH	11-Feb-05	60121914	6	6A4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
862	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	ĐĂNG	12-Sep-05	60121910	6	6A4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
863	NGUYỄN THỊ TUYẾT	HẰNG	14-Jan-05	60121908	6	6A4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
864	LÊ TRUNG	HUNG	12-Nov-05	60121901	6	6A4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
865	DƯƠNG QUỐC	HUY	13-Sep-05	60121896	6	6A4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
866	HUỲNH NGỌC	KHUÊ	15-Dec-05	60121897	6	6A4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
867	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	NHI	16-Mar-05	60121903	6	6A4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
868	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	THẢO	18-May-05	60121906	6	6A4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
869	ĐẶNG TRẦN PHƯƠNG	VÂN	25-Jul-05	60121895	6	6A4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
870	HOÀNG QUANG	ĐẠT	10-Apr-05	60113271	6	6A5			COLETTE	
871	DANH TRẦN VIỆT	HOA	15-Jul-05	60113270	6	6A5			COLETTE	
872	QUÁCH TRÂN	TRÂN	17-Mar-05	60113278	6	6A5			COLETTE	
873	NGUYỄN NHẬT PHƯƠNG	UYÊN	19-Sep-05	60113275	6	6A5			COLETTE	
874	HUỲNH THÀNH	VINH	03-Nov-05	60113273	6	6A5			COLETTE	
875	NGUYỄN TRIỀU	VƯƠNG	10-Apr-05	60113276	6	6A5			COLETTE	
876	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	22-Apr-05	60121935	6	6A5			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
877	LÊ NGUYỄN CAO	DUY	28-Mar-05	60121919	6	6A5			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
878	NGUYỄN THU	HẰNG	13-May-05	60121936	6	6A5			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
879	LÝ PHƯƠNG	LINH	06-Oct-05	60121921	6	6A5			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
880	NGUYỄN LÂM THANH	NGÂN	19-Oct-05	60121924	6	6A5			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
881	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	22-Sep-05	60121928	6	6A5			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
882	PHẠM MINH	THẢO	12-Jan-05	60121941	6	6A5			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
883	LƯƠNG GIA	TUỆ	14-Dec-05	60121920	6	6A5			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
884	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	15-Nov-05	60121929	6	6A5			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
885	NGUYỄN NHẬT	VY	03-Mar-05	60121931	6	6A5			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
886	LÊ YẾN	ANH	22-Dec-05	60113280	6	6A6			COLETTE	
887	TRẦN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	15-Apr-05	60121975	6	6A6			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
888	BÙI CÔNG	KHOA	12-Aug-05	60121948	6	6A6			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
889	LÊ VÕ TRÚC	LINH	06-Oct-05	60121956	6	6A6			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
890	MAI NGỌC ĐOAN	NGHI	29-May-05	60121958	6	6A6			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
891	VÕ MINH	QUÂN	05-Jan-05	60121980	6	6A6			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
892	NGUYỄN KHẮC ĐOAN	TRANG	28-Jul-05	60121962	6	6A6			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
893	VÕ THẢO	HOÀN	11-Oct-05	60113288	6	6A7			COLETTE	
894	NGUYỄN PHÚ QUANG	HUY	13-Jul-05	60113283	6	6A7			COLETTE	
895	NGUYỄN PHÚC THANH	NHÂN	10-Nov-05	60113284	6	6A7			COLETTE	
896	TRẦN HOÀNG MINH	NHẬT	28-Sep-05	60113287	6	6A7			COLETTE	
897	LÊ NGỌC ANH	NHI	13-Jan-05	60113281	6	6A7			COLETTE	
898	ĐẶNG THỊ MINH	ANH	23-Mar-05	60113289	6	6A8			COLETTE	
899	NGUYỄN MINH	ANH	22-Apr-04	60113290	6	6A8			COLETTE	
900	PHÙNG THIÊN	DƯƠNG	03-Apr-05	60113293	6	6A8			COLETTE	
901	NGUYỄN MINH CHÍ	HÀO	08-Dec-05	60113291	6	6A8			COLETTE	
902	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG	NGHI	02-Feb-05	60113295	6	6A8			COLETTE	
903	TRỊNH TÚ	UYÊN	24-Jun-05	60113294	6	6A8			COLETTE	
904	LÊ NGÂN	HÀ	08-Jan-05	60121983	6	6A9			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
905	PARK HYUN	HOO	30-Jan-05	60121985	6	6A9			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
906	VŨ NGUYỄN HƯƠNG	QUỲNH	11-Mar-05	60121986	6	6A9			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
907	PHẠM GIA	BẢO	24-Feb-04	60114033	7	.net			LÊ QUÍ ĐÔN	
908	HỒ MỸ	AN	23-Mar-04	60113757	7	7			KIẾN THIẾT	
909	VÕ ZOÃN YÊN	BÌNH	24-Feb-04	60114027	7	7			KIẾN THIẾT	
910	TẶNG DŨNG	CẨM	24-Aug-04	60113953	7	7			KIẾN THIẾT	
911	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	31-Dec-04	60113900	7	7			KIẾN THIẾT	
912	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	10-Nov-04	60113871	7	7			KIẾN THIẾT	
913	PHẠM PHƯỚC	HẬU	11-Jul-04	60113932	7	7			KIẾN THIẾT	
914	LÝ ĐỨC	HIỀN	11-Sep-04	60113810	7	7			KIẾN THIẾT	
915	TRỊNH QUANG	HUNG	19-Apr-04	60114007	7	7			KIẾN THIẾT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
916	NGUYỄN GIA	HUY	05-Dec-04	60113844	7	7			KIẾN THIẾT	
917	TRẦN BÁ	KEVIN	26-Sep-04	60113962	7	7			KIẾN THIẾT	
918	NGHIÊM DUY	KHANG	02-Apr-04	60113818	7	7			KIẾN THIẾT	
919	PHẠM MINH	KHANG	01-Mar-04	60113926	7	7			KIẾN THIẾT	
920	ĐẶNG ĐĂNG	KHOA	30-Nov-04	60113730	7	7			KIẾN THIẾT	
921	HỒ TUẤN	KIỆT	13-Sep-04	60113761	7	7			KIẾN THIẾT	
922	LA Y	LINH	29-Oct-04	60113773	7	7			KIẾN THIẾT	
923	LÊ HOÀNG	NAM	20-Jul-04	60113783	7	7			KIẾN THIẾT	
924	NGUYỄN PHƯƠNG	NGÂN	04-Nov-04	60113890	7	7			KIẾN THIẾT	
925	NGUYỄN PHAN QUỲNH	NGHI	30-Apr-04	60113884	7	7			KIẾN THIẾT	
926	LÊ HỒNG	PHÁT	05-Apr-04	60113785	7	7			KIẾN THIẾT	
927	TRƯƠNG THÀNH	TÀI	15-Sep-04	60114013	7	7			KIẾN THIẾT	
928	NGÔ QUỐC	THÔNG	05-Aug-04	60113824	7	7			KIẾN THIẾT	
929	BÙI MINH	THƯ	09-Dec-04	60113722	7	7			KIẾN THIẾT	
930	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	5-Dec-04	60113877	7	7			KIẾN THIẾT	
931	TRẦN GIA	THÚC	09-Jul-04	60113965	7	7			KIẾN THIẾT	
932	HOÀNG NGỌC BẢO	TRÂM	05-Feb-04	60113765	7	7			KIẾN THIẾT	
933	TRƯƠNG NGỌC BẢO	TRÂM	24-Feb-04	60114011	7	7			KIẾN THIẾT	
934	PHẠM NGUYỄN HỒNG	TRÂN	13-Apr-04	60113929	7	7			KIẾN THIẾT	
935	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	10-Apr-04	60113983	7	7			KIẾN THIẾT	
936	CHÂU NGỌC	TUẤN	20-Feb-04	60113727	7	7			KIẾN THIẾT	
937	TỔNG ĐẶNG KHÁNH	VINH	25-Sep-04	60113959	7	7			KIẾN THIẾT	
938	TRẦN KHÁNH	AN	14-Sep-04	60142822	7	7.2			COLETTE	
939	CHÂU GIA	ANH	27-May-04	60142823	7	7.2			COLETTE	
940	TRƯƠNG LÝ THIÊN	BẢO	24-Sep-04	60142825	7	7.2			COLETTE	
941	TRẦN TIỀN MINH	ĐĂNG	01-Jan-04	60142828	7	7.2			COLETTE	
942	LÊ PHÚC GIA	HÂN	02-Jul-04	60142829	7	7.2			COLETTE	
943	MO DIỆU	HUY	09-Jun-04	60142831	7	7.2			COLETTE	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
944	TRẦN GIA	HUY	27-Oct-04	60142832	7	7.2			COLETTE	
945	TRẦN ĐẶNG THANH	KHANG	25-Sep-04	60142833	7	7.2			COLETTE	
946	PHAN LÊ TUẤN	KIỆT	29-Sep-04	60142835	7	7.2			COLETTE	
947	LÊ HỮU PHÚC	MINH	20-Sep-04	60142836	7	7.2			COLETTE	
948	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	NGA	30-Oct-04	60142838	7	7.2			COLETTE	
949	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	14-Jul-04	60142839	7	7.2			COLETTE	
950	NGUYỄN CHÂU	NGỌC	25-Dec-04	60142840	7	7.2			COLETTE	
951	LÊ MINH	NGUYỆT	11-Aug-04	60142842	7	7.2			COLETTE	
952	TRỊNH NGUYỄN TIẾN	PHÁT	05-Sep-04	60142843	7	7.2			COLETTE	
953	MAI HỒNG DIỄM	PHƯƠNG	19-Oct-04	60142845	7	7.2			COLETTE	
954	TRỊNH NGUYỄN NAM	PHƯƠNG	05-Sep-04	60142847	7	7.2			COLETTE	
955	TRẦN HUỖNH MINH	THANH	07-Feb-04	60142852	7	7.2			COLETTE	
956	TRẦN THANH	THANH	06-Sep-04	60142853	7	7.2			COLETTE	
957	LÊ HỒNG	THỊNH	08-Jan-04	60142855	7	7.2			COLETTE	
958	BÙI GIA	ANH	06-Jan-04	60121657	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
959	LÊ LAN	ANH	23-Oct-04	60121666	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
960	NGUYỄN PHẠM ĐÔNG	ANH	07-Jun-04	60121674	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
961	NGUYỄN PHAN QUỐC	ANH	12-Jun-04	60121675	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
962	NGUYỄN VĨNH GIA	BẢO	01-Mar-04	60121677	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
963	NGUYỄN VƯƠNG QUỐC	BẢO	19-Apr-04	60121679	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
964	MAI QUỐC	BÌNH	22-Jul-04	60121669	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
965	ĐINH DUY LINH	ĐAN	14-Mar-04	60121660	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
966	HOÀNG THỊ KIM	DIỆP	08-Feb-04	60121663	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
967	MAI TRỊNH KHÁNH	DUY	11-Oct-04	60121670	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
968	PHẠM KHÁNH	HOÀNG	07-Aug-04	60121681	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
969	PHẠM THIÊN	HƯƠNG	11-Dec-04	60121682	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
970	NGUYỄN TUỜNG	HUY	28-Jul-04	60121676	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
971	PHẠM GA	HY	25-Jun-04	60121680	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
972	LUU HÀ MINH	KHÔI	15-Sep-04	60121668	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
973	NGUYỄN MINH	KHUÊ	21-Jan-04	60121671	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
974	NGUYỄN NGỌC THANH	MAI	26-Apr-04	60121672	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
975	PHẠM TUYẾT	MINH	21-Dec-04	60121683	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
976	TRẦN THỊ	MINHTÂM	28-Mar-04	60121696	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
977	NGUYỄN NGỌC VÂN	NGHI	28-Mar-04	60121673	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
978	TÔ LÊ BÍCH	NGỌC	04-Dec-04	60121684	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
979	CAO LÊ YẾN	NHI	05-May-04	60121658	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
980	ĐOÀN NGUYỄN TUYẾT	NHI	24-Oct-04	60121661	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
981	LIÊU UYÊN	NHI	19-Nov-04	60121667	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
982	HOÀNG TRỌNG	PHÚ	26-Jan-04	60121664	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
983	HỒ THÁI	PHÚC	23-May-04	60121662	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
984	HUỲNH ANH	QUÂN	14-Nov-04	60121665	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
985	TRƯƠNG TRÍ	QUANG	28-Apr-04	60121686	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
986	NGUYỄN VŨ MAI	QUỲNH	24-Aug-04	60121678	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
987	VŨ NGỌC MINH	TÂM	28-Mar-04	60121697	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
988	LẠI TRẦN MINH	THƯ	04-Sep-04	60121690	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
989	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	30-Dec-04	60121691	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
990	TRẦN THANH	THƯ	15-Apr-04	60121695	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
991	PHẠM THỊ QUẾ	UYÊN	21-Nov-04	60121694	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
992	PHẠM DOÃN KHIẾT	VIÊN	19-Feb-04	60121693	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
993	NGUYỄN PHÚC	VINH	28-Aug-04	60121692	7	7/1			BẠCH ĐẰNG	
994	ĐẠO THÙY	LYNA	26-May-04	60113494	7	7/1			BÀN CỜ	
995	TRƯƠNG MINH	TÚ	24-Jun-04	60113495	7	7/1			BÀN CỜ	
996	ĐẶNG HẢI DUY	ÂN	04-May-04	60113595	7	7/1			HAI BÀ TRƯNG	
997	LÊ PHƯỚC CHÍ	KIÊN	03-Aug-04	60113596	7	7/1			HAI BÀ TRƯNG	
998	BÙI HỮU MINH	ĐỨC	02-Jan-04	60114183	7	7/1			LÊ QUÍ ĐÔN	
999	LÊ PHÚ	HUNG	20-Oct-04	60114187	7	7/1			LÊ QUÍ ĐÔN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1000	PHẠM HỒNG BẢO	NGÂN	16-Apr-04	60114193	7	7/1			LÊ QUÍ ĐÔN	
1001	NGUYỄN ĐẶNG TRUNG	NHÂN	08-Aug-04	60114189	7	7/1			LÊ QUÍ ĐÔN	
1002	NGUYỄN MINH	TÂN	15-Jun-04	60114190	7	7/1			LÊ QUÍ ĐÔN	
1003	DƯƠNG TÀI	TOÀN	20-Oct-04	60114184	7	7/1			LÊ QUÍ ĐÔN	
1004	TỔNG LÊ BÌNH	AN	16-Oct-04	60142115	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1005	VŨ NGỌC MINH	ANH	4-Nov-04	60142123	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1006	ĐẶNG QUỐC	BẢO	03-Aug-04	60114436	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1007	NHAN THÚY	HẠNH	07-May-04	60142106	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1008	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	12-Oct-04	60142097	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1009	NGUYỄN ĐỖ THIÊN	KIM	03-Sep-04	60142090	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1010	LƯƠNG MINH	LỘC	11-May-04	60114437	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1011	ĐINH PHÚ	MINH	31-Oct-04	60142068	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1012	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT	MINH	24-Aug-04	60114439	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1013	PHAN THỤY PHƯƠNG	NGHI	14-Mar-04	60114441	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1014	TẶNG NHẬT	PHÁT	06-Apr-04	60142112	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1015	MAI MINH	PHÚ	15-Oct-04	60114438	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1016	LẠI NHẬT	TÂN	24-Jun-04	60142075	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1017	HÀ TRỌNG	TẤN	04-Oct-04	60142070	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1018	TIÊU MINH	THƯ	15-Feb-04	60142114	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1019	LÝ ANH	TOÀN	23-May-04	60142083	7	7/1			PHAN SÀO NAM	
1020	TẶNG THƯỢNG	THỜI	19-Feb-04	60116876	7	7/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1021	PHẠM BẢO	TRÂN	28-Mar-04	60116874	7	7/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1022	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	28-Sep-04	60114202	7	7/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1023	LÊ THÁI	HÂN	13-Jan-04	60114198	7	7/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1024	LÊ ĐẠI THANH	LONG	05-Mar-04	60114197	7	7/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1025	NGÔ LÊ THẢO	NGHI	1-Dec-04	60114199	7	7/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1026	HÀ KIM	NGUYỄN	08-Apr-04	60114195	7	7/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1027	HÀ QUỲNH	ANH	08-Apr-04	60114211	7	7/15			LÊ QUÍ ĐÔN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1028	NGUYỄN HẠ KHÁNH	ĐAN	20-May-04	60114217	7	7/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
1029	LÊ HOÀNG	KHANG	29-Jun-04	60114213	7	7/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
1030	NGUYỄN ĐOÀN THẢO	NGUYỄN	17-May-04	60114216	7	7/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
1031	PHẠM PHƯƠNG	NHI	26-Apr-04	60114222	7	7/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
1032	TRẦN NGÔ PHƯƠNG	NHI	27-Sep-04	60114224	7	7/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
1033	PHẠM NGỌC MINH	THU	30-Sep-04	60114221	7	7/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
1034	NGUYỄN LÊ NAM	TRÂN	19-Feb-04	60114220	7	7/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
1035	HUỲNH PHƯƠNG CÁT	TƯỜNG	5-Jan-04	60114212	7	7/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
1036	TRẦN LÊ THANH	AN	02-Jul-04	60121730	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1037	NGUYỄN THỰC	ĐOAN	15-Aug-04	60121723	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1038	LÊ MINH	ĐỨC	24-Aug-04	60121706	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1039	HÀ PHÚC THỦY	DƯƠNG	28-Apr-04	60121701	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1040	NGUYỄN DUY THUỖ	DƯƠNG	31-Jan-04	60121716	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1041	PHAN CẢNH BẢO	DUY	09-Nov-04	60121727	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1042	NGUYỄN NGỌC THANH	GIANG	13-Jan-04	60121721	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1043	TRẦN NGỌC THANH	HÀ	08-Sep-04	60121731	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1044	ĐẶNG BẢO	HÂN	11-Nov-04	60121698	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1045	MAI ANH	KHOA	07-Jan-04	60121712	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1046	HỒ ĐẰNG	KHÔI	25-May-04	60121702	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1047	NGUYỄN TRÚ	KIỆT	09-Oct-04	60121726	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1048	VĨNH NGUYỄN HOÀNG	LAM	16-Jun-04	60121734	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1049	LÊ VIỆT PHI	LONG	31-Jan-04	60121709	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1050	LÊ ĐỨC	MINH	24-Aug-04	60121704	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1051	LÊ HOÀNG	MINH	23-Dec-04	60121705	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1052	TRẦN LÊ	MINH	09-Sep-04	60121729	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1053	NGUYỄN DƯƠNG THÀNH	NAM	07-Aug-04	60121715	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1054	PHAN NGUYỄN ĐÔNG	NGHI	19-Oct-04	60121728	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1055	NGUYỄN DUY TRỌNG	NGHĨA	12-Jan-04	60121717	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1056	LÊ TÀI	NGUYỄN	18-Jun-04	60121708	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1057	TRỊNH NGỌC	NHI	21-May-04	60121732	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1058	NGÔ THANH	TÂM	29-Apr-04	60121713	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1059	HỒ HOÀNG ĐAN	THANH	15-Jan-04	60121703	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1060	VŨ HUỠNH TRANG	THI	25-Jun-04	60121735	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1061	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	28-Dec-04	60121719	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1062	NGUYỄN NGỌC CÁT	TIÊN	29-Feb-04	60121720	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1063	NGUYỄN THỦY	TIÊN	04-Dec-04	60121725	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1064	ĐÀO NGUYỄN NGỌC	TRÂM	13-Jul-04	60121699	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1065	LÊ NGUYỄN MAI	TRANG	24-Jun-04	60121707	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1066	ĐỖ HUỠNH THANH	TRÚC	01-Jan-04	60121700	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1067	LÝ HUỠNH NHÃ	UYÊN	01-Oct-04	60121711	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1068	NGUYỄN THUỶ	VÂN	29-Jul-04	60121724	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1069	NGUYỄN THỊ HUYỀN	VY	12-Mar-04	60121722	7	7/2			BẠCH ĐẰNG	
1070	BÙI KIỀU	ANH	09-Jun-04	60113496	7	7/2			BÀN CỜ	
1071	PHẠM GIA	BẢO	01-Oct-04	60113502	7	7/2			BÀN CỜ	
1072	NGUYỄN CAO	ĐẠT	27-May-04	60113499	7	7/2			BÀN CỜ	
1073	LÊ GIA	HÂN	01-Jan-04	60113497	7	7/2			BÀN CỜ	
1074	NGUYỄN ĐÌNH MINH	NHẬT	14-Sep-04	60113500	7	7/2			BÀN CỜ	
1075	NGUYỄN ĐỨC KIM	PHỤNG	18-May-04	60113501	7	7/2			BÀN CỜ	
1076	PHẠM HOÀNG MINH	THƯ	10-Jul-04	60113503	7	7/2			BÀN CỜ	
1077	LÊ GIA HUY	TRÁC	09-Jun-04	60113498	7	7/2			BÀN CỜ	
1078	NGUYỄN HOÀNG VÂN	ANH	09-Aug-04	60142092	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1079	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	27-Oct-04	60142100	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1080	NGUYỄN TRẦN KỶ	ANH	15-Oct-04	60142102	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1081	NGUYỄN TRẦN TRÂM	ANH	15-Oct-04	60142104	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1082	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	06-Aug-04	60142101	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1083	HOÀNG GIA	KIỆT	07-Oct-04	60142071	7	7/2			PHAN SÀO NAM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1084	HUỖNH THỂ	LỘC	01-Nov-04	60142074	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1085	THIỀU YẾN	NHI	12-Mar-04	60142113	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1086	NGUYỄN VĂN	THÀNH	14-Apr-04	60142105	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1087	NGÔ LÊ HOÀNG ANH	THƯ	18-Nov-04	60142084	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1088	TRẦN NGỌC KHÁNH	THY	30-Jun-04	60142118	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1089	NGUYỄN THANH	TOÀN	18-Dec-04	60142099	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1090	NGUYỄN LÊ NGỌC	TRÂM	19-Oct-04	60142093	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1091	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	28-Aug-04	60142096	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1092	NGUYỄN HOÀNG PHI	YẾN	08-Nov-04	60142091	7	7/2			PHAN SÀO NAM	
1093	NGUYỄN BẢO QUỲNH	ANH	13-Feb-04	60116885	7	7/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1094	LÊ QUỐC	ĐỊNH	11-Nov-04	60116883	7	7/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1095	LÊ CÔNG QUỐC	HUÂN	17-Oct-04	60116881	7	7/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1096	ĐẶNG HOÀNG	KHANG	06-Aug-04	60116877	7	7/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1097	ĐẶNG NGUYỄN	KHANG	06-Aug-04	60116878	7	7/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1098	ĐOÀN NGỌC NHƯ	PHƯƠNG	07-Aug-04	60116880	7	7/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1099	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	UYÊN	22-Aug-04	60116879	7	7/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1100	NGUYỄN ĐẶNG BẢO	ANH	25-Jan-04	60113311	7	7/3			COLETTE	
1101	TRỊNH NHẬT	ANH	19-Oct-04	60113336	7	7/3			COLETTE	
1102	TRƯỜNG QUỐC	ANH	11-Jan-04	60113339	7	7/3			COLETTE	
1103	NGUYỄN HOÀNG BẢO	CHÂU	28-Aug-04	60113313	7	7/3			COLETTE	
1104	TRƯỜNG MỸ	ĐÌNH	01-Feb-04	60113338	7	7/3			COLETTE	
1105	NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	08-Sep-04	60113320	7	7/3			COLETTE	
1106	TRẦN ĐÌNH VÂN	KHANH	20-Feb-04	60113335	7	7/3			COLETTE	
1107	NGHIÊM HÀN XUÂN	KHÁNH	12-Jan-04	60113309	7	7/3			COLETTE	
1108	NGÔ GIA	KHÁNH	10-Feb-04	60113310	7	7/3			COLETTE	
1109	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	19-Nov-04	60113322	7	7/3			COLETTE	
1110	HỒ LÊ THIÊN	KIM	18-Nov-04	60113299	7	7/3			COLETTE	
1111	NGUYỄN THỊ CHI	LAN	16-Oct-04	60113325	7	7/3			COLETTE	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1112	ĐOÀN THỊ ÁNH	LIÊN	04-Nov-04	60113298	7	7/3			COLETTE	
1113	CHÂU LÂM TÚ	LINH	19-Sep-04	60113296	7	7/3			COLETTE	
1114	PHAN LÊ BÁ MINH	NGỌC	06-Aug-04	60113332	7	7/3			COLETTE	
1115	NGUYỄN MAI YẾN	NHI	27-Aug-04	60113316	7	7/3			COLETTE	
1116	ĐÌNH HOÀNG	PHÚC	06-Jan-04	60113297	7	7/3			COLETTE	
1117	LÊ NGUYỄN	PHƯƠNG	23-Dec-04	60113304	7	7/3			COLETTE	
1118	TÔN NỮ HIẾU	TÂM	21-Oct-04	60113334	7	7/3			COLETTE	
1119	LƯU NHÃ	THANH	04-Apr-04	60113308	7	7/3			COLETTE	
1120	LƯƠNG VĨNH	THIỆU	27-Jun-04	60113307	7	7/3			COLETTE	
1121	PHẠM NGỌC	THY	01-Aug-04	60113329	7	7/3			COLETTE	
1122	NGUYỄN THỤY THANH	TRÚC	04-Aug-04	60113327	7	7/3			COLETTE	
1123	HUỲNH THANH	TUẤN	10-Feb-04	60113300	7	7/3			COLETTE	
1124	VŨ HUỲNH HƯƠNG	VI	26-Jan-04	60113342	7	7/3			COLETTE	
1125	NGUYỄN THẢO	VY	07-May-04	60113324	7	7/3			COLETTE	
1126	NGUYỄN NGỌC HẢI	YẾN	23-Sep-04	60113318	7	7/3			COLETTE	
1127	NGUYỄN TRẦN NGỌC	KHÔI	30-Mar-04	60113614	7	7/3			HAI BÀ TRƯNG	
1128	LÝ TIẾN	QUÂN	10-Jan-04	60113608	7	7/3			HAI BÀ TRƯNG	
1129	HUỲNH THÁI	THANH	08-Jun-04	60113606	7	7/3			HAI BÀ TRƯNG	
1130	NGUYỄN HOÀNG XUÂN	VY	14-Jan-04	60113610	7	7/3			HAI BÀ TRƯNG	
1131	NGUYỄN XUÂN ANH	DỪNG	10-May-04	60114225	7	7/3			LÊ QUÍ ĐÔN	
1132	TRẦN THỤY QUỲNH	GIAO	23-Nov-04	60114390	7	7/3			LƯƠNG THỂ VINH	
1133	NGUYỄN THANH	HUY	11-Aug-04	60114389	7	7/3			LƯƠNG THỂ VINH	
1134	NGUYỄN BẢO	QUYÊN	30-Jan-04	60114387	7	7/3			LƯƠNG THỂ VINH	
1135	TRẦN PHẠM THANH	AN	06-Mar-04	60116891	7	7/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1136	TRỊNH LAN	CHI	01-Feb-04	60116892	7	7/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1137	VŨ QUANG	CHIẾN	14-Sep-04	60116893	7	7/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1138	ĐẶNG HƯƠNG	LINH	29-Oct-04	60116888	7	7/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1139	NGUYỄN NGỌC	MÃN	14-Aug-04	60116889	7	7/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1140	LÊ QUỐC	AN	03-Mar-04	60113504	7	7/4			BÀN CỜ	
1141	MAI THIÊN	PHÚC	01-Feb-04	60113617	7	7/4			HAI BÀ TRƯNG	
1142	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRÂN	28-Jan-04	60113619	7	7/4			HAI BÀ TRƯNG	
1143	LÊ MINH	ĐỨC	23-Feb-04	60116896	7	7/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1144	TRẦN TẤN	LÂM	03-Jul-04	60116904	7	7/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1145	PHẠM QUANG	MINH	26-Nov-04	60116902	7	7/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1146	BÙI THỊ MINH	NGỌC	12-Aug-04	60116894	7	7/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1147	NGUYỄN THỤC	NHI	01-Feb-04	60116899	7	7/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1148	HUỲNH HỒNG	PHÚC	17-Oct-04	60116895	7	7/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1149	PHẠM THỊ TỐ	TÂM	22-Oct-04	60116903	7	7/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1150	NGUYỄN BÁ TUỆ	TĨNH	19-Sep-04	60116898	7	7/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1151	NGUYỄN VI	VÂN	20-Nov-04	60116900	7	7/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1152	LÝ MỸ	DUNG	06-Nov-04	60113622	7	7/5			HAI BÀ TRƯNG	
1153	NGUYỄN NGỌC	KHANG	15-Jul-04	60113623	7	7/5			HAI BÀ TRƯNG	
1154	HUỲNH LÊ NGỌC	KIM	20-Jul-04	60113621	7	7/5			HAI BÀ TRƯNG	
1155	TRẦN THANH KHÁNH	ĐOAN	26-Apr-04	60116914	7	7/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1156	MILTON LAWRENCE	KHẢI	11-Jul-04	60116909	7	7/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1157	LẠI LÊ DƯƠNG	LINH	20-Oct-04	60116906	7	7/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1158	TRẦN NGỌC NHẬT	LINH	25-Aug-04	60116913	7	7/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1159	NGUYỄN NHẬT	MINH	24-Oct-04	60116910	7	7/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1160	LÊ PHÙNG ĐĂNG	QUANG	19-Sep-04	60116907	7	7/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1161	NGUYỄN TẠ THÁI	SƠN	28-Oct-04	60116912	7	7/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1162	LÊ VÕ MINH	TÂM	15-Sep-04	60116908	7	7/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1163	NGUYỄN KHUÊ THẢO	ANH	19-Feb-04	60113640	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1164	NGUYỄN HÀ BẢO	CHÂU	22-Jan-04	60113635	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1165	NGUYỄN HỒNG	ĐỨC	12-Jan-04	60113638	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1166	NGUYỄN MINH	ĐỨC	13-Feb-04	60113642	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1167	PHÙNG KHẮC	DUY	17-Aug-04	60113651	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1168	ĐÀO NGUYỄN THUY	HÂN	06-Nov-04	60113625	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1169	PHAN VÕ BẢO	HÂN	25-Aug-04	60113650	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1170	NGUYỄN NGỌC	HIỀN	19-Jan-04	60113643	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1171	NGUYỄN HOÀNG ANH	HUÂN	16-Jan-04	60113637	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1172	LÂM TUẤN	KIỆT	13-May-04	60113628	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1173	NGUYỄN VÕ KHÁNH	LINH	23-Sep-04	60113646	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1174	PHẠM KHÁNH	LINH	17-Feb-04	60113647	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1175	NGUYỄN BÁ	NAM	10-Sep-04	60113632	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1176	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	11-Oct-04	60113639	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1177	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGHI	08-Aug-04	60113644	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1178	LÊ BÙI BẢO	NHU	16-Oct-04	60113629	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1179	LÊ TRÚC	QUỲNH	02-Oct-04	60113631	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1180	NGUYỄN HỒ BẢO	THIÊN	22-Nov-04	60113636	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1181	NGUYỄN LÊ XUÂN	THỊNH	07-Jan-04	60113641	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1182	TRẦN NGUYỄN CÁT	TƯỜNG	23-Feb-04	60113653	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1183	ĐỖ HOÀNG PHÚC	VINH	09-May-04	60113626	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1184	NGUYỄN NGỌC THANH	VY	08-Oct-04	60113645	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1185	PHAN NHẬT KHÁNH	VY	03-Sep-04	60113649	7	7/6			HAI BÀ TRƯNG	
1186	NGUYỄN HUY THIÊN	HÒA	19-Mar-04	60114230	7	7/6			LÊ QUÍ ĐÔN	
1187	NGUYỄN LÊ ĐĂNG	KHOA	15-Aug-04	60114231	7	7/6			LÊ QUÍ ĐÔN	
1188	ĐINH NGỌC DUY	NHIÊN	16-Apr-04	60114228	7	7/6			LÊ QUÍ ĐÔN	
1189	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	13-Nov-04	60114233	7	7/6			LÊ QUÍ ĐÔN	
1190	PHẠM QUỐC	TUYẾN	25-Mar-04	60114234	7	7/6			LÊ QUÍ ĐÔN	
1191	PHẠM TIẾN	DŨNG	30-Jan-04	60116923	7	7/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1192	PHÙNG NGUYỄN THIÊN	HƯƠNG	09-May-04	60116925	7	7/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1193	TẦN HOÀNG	HUY	10-Oct-04	60116926	7	7/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1194	NGUYỄN VĂN	KHOAN	16-Jan-04	60116922	7	7/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1195	TRƯƠNG VŨ HOÀNG	LAM	10-Aug-04	60116928	7	7/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1196	VŨ DUY	MINH	13-Apr-04	60116929	7	7/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1197	NGUYỄN KIM	NGÂN	30-Oct-04	60116919	7	7/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1198	PHAN NGUYỄN SỸ	NGUYỄN	09-Jan-04	60116924	7	7/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1199	HỒ NHƯ	QUỖNH	21-Sep-04	60116916	7	7/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1200	NGUYỄN SỸ MINH	THƯ	03-Mar-04	60116921	7	7/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1201	TRẦN SỸ MINH	VIỆT	22-Jul-04	60116927	7	7/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1202	NGUYỄN ANH	VŨ	22-Mar-04	60116918	7	7/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1203	LÊ TRƯỜNG	GIANG	17-Feb-04	60113659	7	7/7			HAI BÀ TRƯNG	
1204	TRẦN MINH	HUY	01-Mar-04	60113669	7	7/7			HAI BÀ TRƯNG	
1205	ĐINH HOÀNG	KHANG	12-Jan-04	60113654	7	7/7			HAI BÀ TRƯNG	
1206	TRẦN NGUYỄN	KHANG	01-Oct-04	60113670	7	7/7			HAI BÀ TRƯNG	
1207	PHẠM NGỌC BẢO	KHANH	30-Jul-04	60113666	7	7/7			HAI BÀ TRƯNG	
1208	TRẦN GIA	KHÁNH	24-Jun-04	60113668	7	7/7			HAI BÀ TRƯNG	
1209	NGUYỄN ĐÔNG	KHOA	20-Jul-04	60113661	7	7/7			HAI BÀ TRƯNG	
1210	LƯƠNG VĨNH CAO	NGUYỄN	11-Aug-04	60113660	7	7/7			HAI BÀ TRƯNG	
1211	LÂM MINH	QUÂN	06-Jul-04	60113656	7	7/7			HAI BÀ TRƯNG	
1212	NGUYỄN TẤN	TÀI	15-Jul-04	60113664	7	7/7			HAI BÀ TRƯNG	
1213	NGUYỄN TRẦN DUY	THỨC	27-Aug-04	60113665	7	7/7			HAI BÀ TRƯNG	
1214	NGUYỄN QUỐC	ANH	25-Oct-04	60114242	7	7/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
1215	NGUYỄN THÁI HOÀNG	ANH	29-Jun-04	60114243	7	7/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
1216	TRẦN ĐÀO CHÂU	DUY	01-Dec-04	60114245	7	7/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
1217	LƯƠNG ĐĂNG	HUY	01-Jan-04	60114239	7	7/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
1218	TRẦN HÀ KHÁNH	LINH	27-Jun-04	60114246	7	7/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
1219	ĐỖ HUY MINH	NGUYỄN		60114235	7	7/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
1220	LÊ ĐOÀN MINH	NHẬT	21-Jan-04	60114237	7	7/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
1221	TRẦN NHƯ	QUỖNH	25-Nov-04	60114248	7	7/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
1222	NGÔ NHỰT	TRƯỜNG	09-Mar-04	60114240	7	7/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
1223	TRẦN NGỌC NHƯ	Ý	6-May-04	60114247	7	7/7			LÊ QUÍ ĐÔN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1224	VŨ ĐÌNH ANH	HOÀNG	18-Nov-04	60113676	7	7/8			HAI BÀ TRƯNG	
1225	LƯƠNG NGUYỄN NHẬT	LÂM	31-Jan-04	60113673	7	7/8			HAI BÀ TRƯNG	
1226	NGUYỄN PHẠM NHẬT	PHƯƠNG	03-May-04	60113675	7	7/8			HAI BÀ TRƯNG	
1227	BÙI THỊ THANH	TUỆ	23-Apr-04	60113672	7	7/8			HAI BÀ TRƯNG	
1228	NGUYỄN GIA	VĨ	09-Feb-04	60113674	7	7/8			HAI BÀ TRƯNG	
1229	NGUYỄN VÕ THIÊN	ÂN	23-Jun-04	60142380	7	7-1			LÊ LỢI	
1230	PHẠM THIÊN	ÂN	28-Jan-04	60142383	7	7-1			LÊ LỢI	
1231	HOÀNG MINH	ĐĂNG	27-Nov-04	60142358	7	7-1			LÊ LỢI	
1232	PHAN PHÚC TRÍ	DŨNG	22-Oct-04	60142386	7	7-1			LÊ LỢI	
1233	PHAN GIA	HÂN	12-Oct-04	60142384	7	7-1			LÊ LỢI	
1234	ĐẶNG NGỌC	HẠNH	23-Mar-04	60142352	7	7-1			LÊ LỢI	
1235	ĐẶNG NGỌC	HỒNG	23-Mar-04	60142353	7	7-1			LÊ LỢI	
1236	LA GIA	HUY	28-Feb-04	60142361	7	7-1			LÊ LỢI	
1237	ĐỖ TRỌNG	KHÔI	24-Mar-04	60142354	7	7-1			LÊ LỢI	
1238	LÊ HOÀNG KIM	NGÂN	07-Jan-04	60142365	7	7-1			LÊ LỢI	
1239	NGUYỄN PHƯƠNG GIA	NGHI	09-Jul-04	60142377	7	7-1			LÊ LỢI	
1240	NGUYỄN PHẠM TRẦN	NGUYỄN	04-May-04	60142374	7	7-1			LÊ LỢI	
1241	BÙI QUỲNH	NHU	28-Sep-04	60142351	7	7-1			LÊ LỢI	
1242	HUỲNH MẠNH	PHÁT	15-Nov-04	60142359	7	7-1			LÊ LỢI	
1243	MÃ HOÀNG	PHÚC	08-Sep-04	60142368	7	7-1			LÊ LỢI	
1244	TRẦN NGUYỄN THANH	THÙY	26-Jul-04	60142387	7	7-1			LÊ LỢI	
1245	LÊ VÕ THANH	TÙNG	22-Apr-04	60142366	7	7-1			LÊ LỢI	
1246	NGUYỄN LỢI TUỜNG	VÂN	21-Nov-04	60142371	7	7-1			LÊ LỢI	
1247	LÃ TRỌNG THIÊN	VIỆT	05-Jan-04	60142362	7	7-1			LÊ LỢI	
1248	NGUYỄN PHƯỚC LÊ	VY	05-Oct-04	60142376	7	7-1			LÊ LỢI	
1249	DƯƠNG THẾ	ĐẠT	07-Sep-04	60142395	7	7-11			LÊ LỢI	
1250	NGUYỄN THÁI	DƯƠNG	24-Jan-04	60142420	7	7-11			LÊ LỢI	
1251	NGUYỄN HOÀNG	DUY	20-Apr-04	60142410	7	7-11			LÊ LỢI	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1252	PHẠM TRẦN QUANG	HUY	30-Nov-04	60142429	7	7-11			LÊ LỢI	
1253	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	16-Oct-04	60142407	7	7-11			LÊ LỢI	
1254	VŨ VÂN	NHI	25-Jul-04	60142435	7	7-11			LÊ LỢI	
1255	LÊ VIỆT	TÍN	25-Dec-04	60142405	7	7-11			LÊ LỢI	
1256	VÕ HỒNG BẢO	HÂN	07-Oct-04	60142910	7	7-2			LÊ LỢI	
1257	NGUYỄN LÊ NGỌC	KHÁNH	16-May-04	60142893	7	7-2			LÊ LỢI	
1258	PHÙNG VÕ TUẤN	KIỆT	09-Jul-04	60142904	7	7-2			LÊ LỢI	
1259	ĐỖ NHẬT	MINH	30-Aug-04	60142876	7	7-2			LÊ LỢI	
1260	ĐINH TRẦN NHƯ	NGỌC	10-Jan-04	60142875	7	7-2			LÊ LỢI	
1261	PHẠM NGỌC Ý	NHƯ	02-Feb-04	60142902	7	7-2			LÊ LỢI	
1262	NGUYỄN NGỌC TRÚC	QUỲNH	14-Apr-04	60142898	7	7-2			LÊ LỢI	
1263	BẠCH MINH	THIỆN	05-Nov-04	60142872	7	7-2			LÊ LỢI	
1264	NGUYỄN NGỌC THÙY	TRANG	07-Mar-04	60142897	7	7-2			LÊ LỢI	
1265	NGUYỄN MINH	TRÍ	05-Feb-04	60142896	7	7-2			LÊ LỢI	
1266	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	22-Jul-04	60142889	7	7-2			LÊ LỢI	
1267	NGUYỄN HIỀN	XUÂN	08-Mar-04	60142890	7	7-2			LÊ LỢI	
1268	TÔ QUẾ	MI	29-Jun-04	60121993	7	7A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1269	TRÀ DIỆP MINH	THƯ	23-Aug-04	60121994	7	7A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1270	HUỲNH KIM BẢO	TRÂM	08-Dec-04	60121988	7	7A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1271	BÙI QUỐC	VIỆT	08-Sep-04	60121987	7	7A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1272	NGUYỄN TRẦN YẾN	VY	06-Sep-04	60121990	7	7A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1273	HỒ QUẾ	ANH	19-Jan-04	60122004	7	7A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1274	ĐẶNG PHƯƠNG	GIAO	21-Aug-04	60121998	7	7A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1275	VÕ LÊ ĐỨC	HUY	02-Jan-04	60122029	7	7A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1276	LƯƠNG NGỌC UYÊN	MY	06-Sep-04	60122008	7	7A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1277	ĐỖ HOÀNG THỰC	QUYÊN	26-Mar-04	60122000	7	7A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1278	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	20-Oct-04	60122023	7	7A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1279	LÊ GIA	THÀNH	25-Sep-04	60122006	7	7A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1280	TRƯƠNG THANH	THU	29-Apr-04	60122027	7	7A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1281	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	19-May-04	60122033	7	7a4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1282	TRỊNH BẢO	HÂN	20-Jun-04	60122040	7	7a4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1283	NGUYỄN VÕ HOÀNG	KHANG	03-May-04	60122035	7	7a4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1284	PHẠM NGUYỄN HẢI	KHÁNH	05-Nov-04	60122036	7	7a4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1285	PHAN MINH	KHOA	02-May-04	60122037	7	7a4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1286	ĐOÀN NGỌC	KHUÊ	25-Nov-04	60122031	7	7a4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1287	TRẦN TUYÊN	TRIỆU	04-Nov-04	60122039	7	7a4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1288	TRẦN NGUYỄN XUÂN	YẾN	21-Jan-04	60122038	7	7a4			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1289	VŨ ĐỨC	ANH	25-Jun-04	60122047	7	7A8			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1290	LÊ NHÂN	TRUNG	31-Jan-04	60122045	7	7A8			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1291	NGUYỄN THANH	PHONG	09-May-03	60142162	8	8			COLETTE	
1292	LÊ MINH	ANH	23-Dec-03	60113788	8	8			KIẾN THIẾT	
1293	TRƯƠNG KIM	ANH	11-Apr-03	60114010	8	8			KIẾN THIẾT	
1294	NGUYỄN HOÀNG	BẢO	25-Jun-03	60113849	8	8			KIẾN THIẾT	
1295	TRƯƠNG GIA	BẢO	23-Jul-03	60114009	8	8			KIẾN THIẾT	
1296	TÂN DIỆP	BÌNH	21-Nov-03	60113952	8	8			KIẾN THIẾT	
1297	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	CHI	05-May-03	60113987	8	8			KIẾN THIẾT	
1298	PHẠM THỊ TRANG	ĐÀI	09-Feb-03	60113937	8	8			KIẾN THIẾT	
1299	VŨ MAI HOÀNG	DUY	19-Oct-03	60114031	8	8			KIẾN THIẾT	
1300	HUỲNH ĐẶNG VĨNH	HIỀN	08-Jan-03	60113768	8	8			KIẾN THIẾT	
1301	LÝ XUÂN	HIẾU	03-Apr-03	60113811	8	8			KIẾN THIẾT	
1302	NGUYỄN QUANG	HUY	20-Dec-03	60113892	8	8			KIẾN THIẾT	
1303	TRẦN HOÀI ANH	HUY	02-Oct-03	60113972	8	8			KIẾN THIẾT	
1304	HỒ QUANG	KHẢI	27-Mar-03	60113760	8	8			KIẾN THIẾT	
1305	TRẦN THỊ BẢO	KHANH	02-Dec-03	60113999	8	8			KIẾN THIẾT	
1306	LÊ HUNG	KHÔI	10-Apr-03	60113787	8	8			KIẾN THIẾT	
1307	LÊ TRẦN MINH	KHUÊ	13-Sep-03	60113804	8	8			KIẾN THIẾT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1308	HỨA GIA	LINH	11-Jun-03	60113766	8	8			KIẾN THIẾT	
1309	NGUYỄN NGỌC THÙY	LINH	20-Mar-03	60113880	8	8			KIẾN THIẾT	
1310	PHÙNG QUANG	LONG	17-Oct-03	60113948	8	8			KIẾN THIẾT	
1311	BÙI TRẦN NHẬT	MINH	02-Dec-03	60113726	8	8			KIẾN THIẾT	
1312	NGUYỄN ÁNH	MINH	24-Feb-03	60113829	8	8			KIẾN THIẾT	
1313	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGA	29-Aug-03	60113904	8	8			KIẾN THIẾT	
1314	NGUYỄN HỮU QUỲNH	NGHI	08-Dec-03	60113859	8	8			KIẾN THIẾT	
1315	LÊ ĐẶNG HOÀNG	NHÂN	02-Feb-03	60113779	8	8			KIẾN THIẾT	
1316	PHAN THÀNH	NHÂN	20-Sep-03	60113944	8	8			KIẾN THIẾT	
1317	NGÔ UYÊN	NHI	21-Jul-03	60113826	8	8			KIẾN THIẾT	
1318	TÀO MẶN	NHI	18-Jul-03	60113955	8	8			KIẾN THIẾT	
1319	HỒ NGUYỄN THẢO	NHƯ	18-Oct-03	60113759	8	8			KIẾN THIẾT	
1320	NGUYỄN MINH	NHƯ	28-Oct-03	60113869	8	8			KIẾN THIẾT	
1321	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09-Mar-03	60113896	8	8			KIẾN THIẾT	
1322	TRẦN MINH	NHỰT	24-Nov-03	60113978	8	8			KIẾN THIẾT	
1323	DIỆP THIÊN	PHÚ	19-Nov-03	60113740	8	8			KIẾN THIẾT	
1324	NGUYỄN NGỌC THU	PHƯƠNG	19-Jan-03	60113879	8	8			KIẾN THIẾT	
1325	TRẦN HIỀN MAI	PHƯƠNG	1-Nov-03	60113969	8	8			KIẾN THIẾT	
1326	TRẦN NGỌC	PHƯƠNG	02-May-03	60113981	8	8			KIẾN THIẾT	
1327	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	25-Jun-03	60113850	8	8			KIẾN THIẾT	
1328	NGUYỄN XUÂN	QUỐC	23-Oct-03	60113917	8	8			KIẾN THIẾT	
1329	LÊ TRẦN NHẬT	QUYÊN	05-Aug-03	60113805	8	8			KIẾN THIẾT	
1330	NGUYỄN NGỌC MAI	QUỲNH	13-Aug-03	60113876	8	8			KIẾN THIẾT	
1331	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	05-Apr-03	60113928	8	8			KIẾN THIẾT	
1332	NGUYỄN QUANG THÁI	SƠN	09-Aug-03	60113894	8	8			KIẾN THIẾT	
1333	ĐỖ MINH	THÁI	14-Oct-03	60113745	8	8			KIẾN THIẾT	
1334	NGUYỄN THIÊN	THANH	10-Dec-03	60113905	8	8			KIẾN THIẾT	
1335	TRẦN HẢI	THỊNH	21-Sep-03	60113968	8	8			KIẾN THIẾT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1336	TRẦN ANH	THU'	08-Mar-03	60113961	8	8			KIẾN THIẾT	
1337	NGUYỄN HIẾU	THUẬN	26-Sep-03	60113845	8	8			KIẾN THIẾT	
1338	TRẦN MỸ	TIÊN	21-Mar-03	60113980	8	8			KIẾN THIẾT	
1339	NGUYỄN NGỌC BÍCH	TRÂM	31-Oct-03	60113872	8	8			KIẾN THIẾT	
1340	NGUYỄN THIỆN	TRUNG	22-Oct-03	60113906	8	8			KIẾN THIẾT	
1341	TRẦN THỊ CẨM	TÚ	23-Feb-03	60114000	8	8			KIẾN THIẾT	
1342	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	ANH	03-Dec-03	60142181	8	8			LÊ QUÝ ĐÔN	
1343	TRẦN THỤY NGỌC	DIỆP	3-Sep-03	60142173	8	8			LÊ QUÝ ĐÔN	
1344	LÝ NGUYỄN NGỌC	KHANH	06-Dec-03	60142176	8	8			LÊ QUÝ ĐÔN	
1345	NGUYỄN MINH	PHÚC	01-Mar-03	60142150	8	8			LÊ QUÝ ĐÔN	
1346	TRẦN QUỐC	THẮNG	03-Dec-03	60142182	8	8			LÊ QUÝ ĐÔN	
1347	CAO PHAN XUÂN	VI	04-Jan-03	60142180	8	8			LÊ QUÝ ĐÔN	
1348	YANG LỮ THÚY	VY	23-Nov-03	60142174	8	8			LÊ QUÝ ĐÔN	
1349	NGUYỄN TRI TRÚC	LINH	16-Sep-03	60142179	8	8			PHAN SÀO NAM	
1350	BÙI NGUYỄN ANH	THẢO	11-May-03	60142178	8	8			PHAN SÀO NAM	
1351	PHẠM NHẬT	HOÀNG	30-Jul-03	60142154	8	8			THẮNG LONG	
1352	NGUYỄN THANH	AN	18-Nov-03	60121756	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1353	TRẦN VŨ PHƯƠNG	ANH	16-May-03	60121768	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1354	LƯƠNG GIA	BẢO	30-Dec-03	60121749	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1355	NGUYỄN NGÔ TRÚC	CHI	09-Sep-03	60121753	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1356	DƯƠNG QUỐC	CƯỜNG	05-May-03	60121745	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1357	HUỲNH PHẠM THÀNH	DANH	09-May-03	60121747	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1358	ĐỖ LÊ TRÚC	ĐOAN	1-Oct-03	60121740	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1359	TRẦN KHÁNH	DUY	26-Dec-03	60121763	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1360	TRẦN BẢO	HÂN	11-Oct-03	60121761	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1361	ĐỖ NGUYỄN	HẠO	09-Nov-03	60121741	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1362	TRẦN GIA	HUY	10-Jan-03	60121762	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1363	MAI LỮ GIA	KHƯƠNG	04-Nov-03	60121750	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1364	ĐOÀN	NGUYỄN NGỌC LAM	16-Sep-03	60121744	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1365	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG LÂM	26-Oct-03	60121752	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1366	BÙI	NGUYỄN THÀNH LUÂN	25-May-03	60121736	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1367	NGUYỄN	PHUƠNG LY	17-Dec-03	60121755	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1368	ĐẶNG	HOÀNG MỸ MỸ	26-Aug-03	60121739	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1369	PHẠM	QUỲNH NHƯ	16-Feb-03	60121759	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1370	ĐOÀN	GIA PHÚC	23-Mar-03	60121743	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1371	TRẦN	VĂN SỸ	23-Jan-03	60121767	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1372	PHẠM	ĐAN TÂM	5-Sep-03	60121758	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1373	NGUYỄN	ANH THY	03-May-03	60121751	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1374	TRẦN	TRUNG TÍN	24-May-03	60121766	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1375	VƯƠNG	THỊ THÙY TRANG	08-Jun-03	60121771	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1376	CHUNG	MINH TÚ	03-Aug-03	60121738	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1377	LÊ	HIẾU VY	18-Jun-03	60121748	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1378	HOÀNG	HẢI YẾN	09-Mar-03	60121746	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1379	VÕ	HỒNG YẾN	12-Jun-03	60121769	8	8/1			BẠCH ĐẰNG	
1380	PHẠM	NGỌC BẢO	10-Jun-03	60113677	8	8/1			HAI BÀ TRƯNG	
1381	TRẦN	VĂN KHÁNH ĐỨC	31-Oct-03	60114251	8	8/1			LÊ QUÍ ĐÔN	
1382	TRẦN	NGUYỄN PHÚC	3-Jan-03	60114250	8	8/1			LÊ QUÍ ĐÔN	
1383	VÕ	THÀNH QUANG	30-Aug-03	60114252	8	8/1			LÊ QUÍ ĐÔN	
1384	NGUYỄN	NGỌC HÙNG	26-Feb-01	60114391	8	8/1			LƯƠNG THỂ VINH	
1385	PHẠM	TRANG PHI LONG	03-Mar-03	60114444	8	8/1			PHAN SÀO NAM	
1386	DIỆP	HÙNG PHÁT	16-Aug-03	60114442	8	8/1			PHAN SÀO NAM	
1387	NGUYỄN	LÊ ĐỨC DUY	18-Nov-03	60116930	8	8/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1388	TRẦN	LÊ THẢO BÍCH	26-Apr-03	60113685	8	8/10			HAI BÀ TRƯNG	
1389	PHẠM	THỊ THU HÀ	06-Apr-03	60113684	8	8/10			HAI BÀ TRƯNG	
1390	NGUYỄN	MAI HÂN	05-Oct-03	60113682	8	8/10			HAI BÀ TRƯNG	
1391	NGUYỄN	HOÀNG MINH	27-Feb-03	60113681	8	8/10			HAI BÀ TRƯNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1392	ĐINH NGUYỄN MINH	ĐỨC	21-Oct-03	60114254	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1393	VÕ HOÀNG BẢO	DUY	08-Jan-03	60114275	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1394	LÊ NGỌC KỲ	DUYÊN	04-Jan-03	60114262	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1395	HOÀNG BÍCH NGÂN	HÀ	22-Oct-03	60114256	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1396	LÊ DƯƠNG VĨNH	KHIÊM	19-Sep-03	60114260	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1397	HỒ NGUYỄN THIÊN	KIM	18-Jul-03	60114255	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1398	LÂM KỲ	NAM	31-Aug-03	60114257	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1399	VÕ HOÀNG BÍCH	NGỌC	20-Jan-03	60114276	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1400	LÊ LÂM HẢI	NGUYỆT	13-Jan-03	60114261	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1401	NGUYỄN VÂN	NHI	26-Jan-03	60114268	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1402	NGUYỄN NGỌC MA	NI	22-Jun-03	60114267	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1403	NGUYỄN HƯƠNG	QUỲNH	05-Jan-03	60114265	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1404	NGÔ ĐÌNH QUỐC	THẮNG	30-Apr-03	60114263	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1405	TRẦN MINH HƯƠNG	THƠ	18-Feb-03	60114270	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1406	TRƯƠNG MINH	THƯ	28-Jul-03	60114273	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1407	LÂM NHÃ	UYÊN	27-Oct-03	60114258	8	8/10			LÊ QUÍ ĐÔN	
1408	HOÀNG PHƯƠNG	ANH	30-Aug-03	60114278	8	8/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
1409	TRẦN NGỌC, QUỲNH	ANH	20-Aug-03	60114282	8	8/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
1410	PHẠM TRẦN LINH	MINH	27-Oct-03	60114281	8	8/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
1411	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	16-Mar-03	60114277	8	8/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
1412	LÃ QUÝ	TÂM	03-Apr-03	60114279	8	8/11			LÊ QUÍ ĐÔN	
1413	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	20-Jan-03	60114286	8	8/12			LÊ QUÍ ĐÔN	
1414	VŨ MINH	ĐỨC	16-Nov-03	60114293	8	8/12			LÊ QUÍ ĐÔN	
1415	VÕ ĐÌNH NGỌC	KHUÊ	24-Oct-03	60114292	8	8/12			LÊ QUÍ ĐÔN	
1416	HỒ CAO BẢO	NGỌC	12-Oct-03	60114283	8	8/12			LÊ QUÍ ĐÔN	
1417	TRẦN KHÔI	NGUYỄN	24-Dec-03	60114289	8	8/12			LÊ QUÍ ĐÔN	
1418	VƯƠNG MINH	NHI	10-Oct-03	60114294	8	8/12			LÊ QUÍ ĐÔN	
1419	HỒNG HẠO	NHIÊN	15-Oct-03	60114284	8	8/12			LÊ QUÍ ĐÔN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1420	TRẦN THỊ ANH	THU	09-Mar-03	60114290	8	8/12			LÊ QUÍ ĐÔN	
1421	VÕ VIỆT MINH	AN	15-Apr-03	60114301	8	8/13			LÊ QUÍ ĐÔN	
1422	HỒ NGỌC KHÁNH	DUY	22-Sep-03	60114296	8	8/13			LÊ QUÍ ĐÔN	
1423	BÙI ĐÀO DUY	KHÁNH	02-Apr-03	60114295	8	8/13			LÊ QUÍ ĐÔN	
1424	NGUYỄN HỮU	LỘC	17-Mar-03	60114298	8	8/13			LÊ QUÍ ĐÔN	
1425	LÊ TẮT	LONG	06-Dec-03	60114297	8	8/13			LÊ QUÍ ĐÔN	
1426	VÕ MINH	MINDY	30-Dec-03	60114300	8	8/13			LÊ QUÍ ĐÔN	
1427	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	17-Mar-03	60114299	8	8/13			LÊ QUÍ ĐÔN	
1428	VƯƠNG ANH THIÊN	TÂM	29-Mar-03	60114302	8	8/13			LÊ QUÍ ĐÔN	
1429	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	KHANH	07-Jan-03	60114303	8	8/15			LÊ QUÍ ĐÔN	
1430	ĐINH BÌNH PHƯƠNG	ANH	09-Aug-03	60121775	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1431	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	26-Jun-03	60121795	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1432	TRẦN TUYẾT	ANH	03-May-03	60121808	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1433	LÊ MINH	BẢO	11-Nov-03	60121784	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1434	TÔN THẮT	BÌNH	09-Apr-03	60121804	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1435	PHAN BẢO	CHÂU	14-Mar-03	60121802	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1436	HOÀNG LÊ QUỐC	CƯỜNG	30-Oct-03	60121779	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1437	HỨA CHÍ	CƯỜNG	17-Mar-03	60121780	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1438	NGUYỄN HOÀNG	ĐAN	19-Sep-03	60121789	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1439	HOÀNG CHÍ	DƯƠNG	29-Dec-03	60121777	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1440	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HÂN	29-May-03	60121796	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1441	NGUYỄN ANH	KHOA	19-Feb-03	60121787	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1442	PHẠM HOÀNG	LÂM	07-Sep-03	60121800	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1443	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	LINH	29-Jun-03	60121790	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1444	NGUYỄN LƯU KHÁNH	LINH	23-Jul-03	60121793	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1445	BÙI NGUYỄN HOÀNG	MINH	30-Jun-03	60121773	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1446	NGUYỄN HUYỀN	MINH	30-May-03	60121791	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1447	ĐẶNG HOÀNG	NGUYỄN	04-May-03	60121774	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1448	TRẦN NGUYỄN CHÁNH	NGUYỄN	01-Jan-03	60121806	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1449	PHẠM PHƯƠNG	NHI	28-Sep-03	60121801	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1450	ÂU BẢO	NHIÊN	02-Sep-03	60121772	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1451	NGUYỄN XUÂN	NHU'	24-May-03	60121799	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1452	TRẦN BẢO	NHU'	22-Dec-03	60121805	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1453	TRẦN PHẠM MINH	PHÁT	21-Mar-03	60121807	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1454	NGUYỄN VŨ TỐ	PHƯƠNG	04-Apr-03	60121798	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1455	HUỲNH HY	QUANG	24-Jul-03	60121781	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1456	LƯÔNG LÊ UYÊN	QUÝ	11-Nov-03	60121785	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1457	NGUYỄN LÊ NGỌC	QUỲNH	07-Jan-03	60121792	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1458	LẠI TRẦN MINH	SANG	23-Sep-03	60121783	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1459	HOÀNG HỒ GIA	THUẬN	09-Apr-03	60121778	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1460	NGUYỄN NGỌC THÙY	TRANG	30-Oct-03	60121797	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1461	ĐOÀN MINH	TRÍ	17-Jan-03	60121776	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1462	LÝ TRẦN PHƯỚC	TRÍ	30-Sep-03	60121786	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1463	NGUYỄN CÁT	TƯỜNG	14-Feb-03	60121788	8	8/2			BẠCH ĐẰNG	
1464	TRỊNH MINH	ANH	18-Jun-03	60113510	8	8/2			BÀN CỜ	
1465	TRƯỜNG GIA	HÂN	31-Jul-03	60113511	8	8/2			BÀN CỜ	
1466	TRIỆU MINH	PHÚ	04-Jun-03	60113509	8	8/2			BÀN CỜ	
1467	HỒ TRẦN HẠNH	THU'	04-Mar-03	60113505	8	8/2			BÀN CỜ	
1468	NGUYỄN MINH	TUÂN	12-Aug-03	60113507	8	8/2			BÀN CỜ	
1469	NGUYỄN HOÀNG	ĐỨC	21-Jul-03	60113357	8	8/2			COLETTE	
1470	TRẦN HOÀNG	GIÁP	13-May-03	60113386	8	8/2			COLETTE	
1471	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	HÀ	01-Oct-03	60113358	8	8/2			COLETTE	
1472	TRƯỜNG PHÚ	MINH	20-Jan-03	60113393	8	8/2			COLETTE	
1473	NGUYỄN MỸ CHIÊU	NGHI	21-Jan-03	60113367	8	8/2			COLETTE	
1474	PHẠM THÙY MINH	NGỌC	03-Mar-03	60113376	8	8/2			COLETTE	
1475	TẶNG MAI BẢO	NHI	07-May-03	60113381	8	8/2			COLETTE	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1476	LÂM TÂM	NHU'	16-Sep-03	60113352	8	8/2			COLETTE	
1477	NGUYỄN ĐỨC	NINH	30-Sep-03	60113356	8	8/2			COLETTE	
1478	TRẦN LÊ MINH	PHÁT	13-Mar-03	60113387	8	8/2			COLETTE	
1479	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	30-Jun-03	60113359	8	8/2			COLETTE	
1480	NGUYỄN MINH	QUANG	16-Oct-03	60113366	8	8/2			COLETTE	
1481	LÊ YẾN	TÂM	06-Jan-03	60113353	8	8/2			COLETTE	
1482	TRẦN MỸ	TÂM	04-Sep-03	60113388	8	8/2			COLETTE	
1483	NGUYỄN NGỌC THIÊN	THANH	04-Jul-03	60113368	8	8/2			COLETTE	
1484	BẢO NỮ HẠNH	THY	05-Feb-03	60113344	8	8/2			COLETTE	
1485	PHẠM MINH	TRIẾT	22-Mar-03	60113373	8	8/2			COLETTE	
1486	QUÁCH THẢO	VY	09-May-03	60113380	8	8/2			COLETTE	
1487	TRẦN LẠC	HỒNG	30-Oct-03	60113690	8	8/2			HAI BÀ TRƯNG	
1488	HUỲNH QUỲNH	ANH	30-Aug-03	60114310	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1489	LÊ NGỌC	ANH	21-Mar-03	60114313	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1490	NGUYỄN PHẠM NHẬT	ANH	08-Oct-03	60114325	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1491	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	08-Jul-03	60114326	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1492	PHAN THỊ XUÂN	ANH	22-Aug-03	60114333	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1493	TRẦN LÂM TUẤN	ANH	21-Jun-03	60114338	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1494	TRẦN NGỌC MỸ	ANH	17-Nov-03	60114340	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1495	NGUYỄN LÊ MINH	ĐỨC	7-Oct-03	60114323	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1496	VÕ HOÀNG THÙY	DƯƠNG	30-May-03	60114344	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1497	HOÀNG	HIẾU	28-Dec-03	60114309	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1498	TRƯỜNG QUỐC	HÙNG	03-Dec-03	60114343	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1499	NGUYỄN ĐỨC	HUY	07-Jun-03	60114319	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1500	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	23-Nov-03	60114318	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1501	TRỊNH LÊ NGÂN	KHÁNH	23-Nov-03	60114342	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1502	LÝ NGỌC MINH	KHOA	24-Mar-03	60114315	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1503	TRẦN HÀ ANH	KHÔI	5-Apr-03	60114336	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1504	NGUYỄN TRÚC	LINH	21-Sep-03	60114327	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1505	NGUYỄN XUÂN	MAI	22-Oct-03	60114328	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1506	NGUYỄN ANH	MINH	16-Nov-03	60114317	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1507	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	MINH	02-Jan-03	60114321	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1508	TỔNG PHƯỚC HOÀNG	MINH	28-Apr-03	60114334	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1509	TRẦN GIA	MINH	17-Aug-03	60114335	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1510	TRẦN LAN	MY	23-Sep-03	60114339	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1511	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGHI	19-Jun-03	60114324	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1512	PHẠM HUỲNH TÂM	NHU	02-Dec-03	60114330	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1513	HUỲNH TÂN	PHÁT	07-Jan-03	60114311	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1514	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	06-Apr-03	60114320	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1515	NGUYỄN HUỲNH VIỆT	THỐNG	09-Jan-03	60114322	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1516	LƯU NGUYỄN MINH	THU	26-Feb-03	60114314	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1517	TRẦN HỒ ANH	THU	16-May-03	60114337	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1518	HUỲNH THỊ KIM	TRANG	09-Aug-03	60114312	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1519	BÙI MINH NHÃ	TRÚC	07-Jun-03	60114305	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1520	PHAN NGUYỄN THẢO	VÂN	12-Nov-03	60114332	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1521	LÝ PHÚ	VINH	20-May-03	60114316	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1522	CHIÊM HOÀNG MAI	VY	15-May-03	60114306	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1523	PHAN NGỌC TƯỜNG	VY	06-Sep-03	60114331	8	8/2			LÊ QUÍ ĐÔN	
1524	NGUYỄN HIỀN	ANH	14-Feb-03	60116934	8	8/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1525	NGUYỄN THÁI NHẬT	LINH	22-Oct-03	60116935	8	8/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1526	LÂM NGUYỄN HÀ	MY	12-Sep-03	60116933	8	8/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1527	GIẢ THANH	THẢO	01-Jul-03	60116932	8	8/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1528	DƯƠNG TRÍ	TRUNG	17-Sep-03	60116931	8	8/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1529	NGUYỄN ĐÀO HOÀNG	ÂN	17-Apr-03	60113415	8	8/3			COLETTE	
1530	LIÊU NGỌC NGÂN	ANH	20-Aug-03	60113409	8	8/3			COLETTE	
1531	NGUYỄN TRANG	ANH	10-Nov-03	60113424	8	8/3			COLETTE	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1532	TỔNG MAI	ANH	04-Jan-03	60113430	8	8/3			COLETTE	
1533	TỔNG MINH	ANH	04-Jan-03	60113431	8	8/3			COLETTE	
1534	TRẦN NGỌC CHÂU	ANH	26-Apr-03	60113437	8	8/3			COLETTE	
1535	LÊ NGỌC MINH	CHÂU	02-Feb-03	60113407	8	8/3			COLETTE	
1536	NGUYỄN THÀNH	DANH	05-Jun-03	60113423	8	8/3			COLETTE	
1537	TRỊNH HOÀNG	DUY	19-May-03	60113444	8	8/3			COLETTE	
1538	THẠCH NGUYỄN GIA	HÂN	25-Nov-03	60113429	8	8/3			COLETTE	
1539	NGUYỄN PHÚC KHANG	HY	07-May-03	60113420	8	8/3			COLETTE	
1540	NGÔ TUẤN	KHẢI	12-Sep-03	60113413	8	8/3			COLETTE	
1541	BÙI PHẠM KIM	NGÂN	26-May-03	60113397	8	8/3			COLETTE	
1542	CHÂU BẢO	NGHI	01-Jun-03	60113399	8	8/3			COLETTE	
1543	LÊ TRẦN PHƯƠNG	NHI	15-Aug-03	60113408	8	8/3			COLETTE	
1544	LÂM TÂM	NHƯ	23-Jul-03	60113406	8	8/3			COLETTE	
1545	ĐINH LÊ UYÊN	PHƯƠNG	06-May-03	60113400	8	8/3			COLETTE	
1546	VÕ NGỌC NGUYỄN	PHƯƠNG	22-May-03	60113447	8	8/3			COLETTE	
1547	TRẦN NGUYỄN MINH	QUÂN	07-Jul-03	60113441	8	8/3			COLETTE	
1548	NGÔ ĐỨC	TÀI	15-Mar-03	60113412	8	8/3			COLETTE	
1549	TRẦN THẢO	TRÂN	07-Nov-03	60113443	8	8/3			COLETTE	
1550	TRẦN ÁNH	TÚ	27-Dec-03	60113434	8	8/3			COLETTE	
1551	TRẦN ĐẶNG PHƯƠNG	UYÊN	19-Aug-03	60113432	8	8/3			COLETTE	
1552	TRẦN LƯƠNG TÚ	UYÊN	15-May-03	60113436	8	8/3			COLETTE	
1553	NGUYỄN THANH	VÂN	22-Feb-03	60113422	8	8/3			COLETTE	
1554	TRẦN ANH	VỸ	15-Sep-03	60113433	8	8/3			COLETTE	
1555	MAI MINH	HIẾU	8-Aug-03	60114347	8	8/3			LÊ QUÍ ĐÔN	
1556	HUỲNH SONG	HUỲNH	03-Dec-03	60114346	8	8/3			LÊ QUÍ ĐÔN	
1557	ĐOÀN DUY	HUY	27-Oct-03	60114392	8	8/3			LƯƠNG THẾ VINH	
1558	ÔN TIẾN	NHÂN	22-Oct-03	60114398	8	8/3			LƯƠNG THẾ VINH	
1559	LÊ THÙY ANH	NHI	10-May-03	60114394	8	8/3			LƯƠNG THẾ VINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1560	NGUYỄN LÊ YẾN	NHI	30-Aug-03	60114396	8	8/3			LƯƠNG THẾ VINH	
1561	TÔN THẮT NHẬT	THĂNG	03-Jan-03	60114446	8	8/3			PHAN SÀO NAM	
1562	PHẠM ĐĂNG HUỆ	ANH	12-Dec-03	60113513	8	8/4			BÀN CỜ	
1563	LÂM QUANG	HUY	12-Oct-03	60114350	8	8/4			LÊ QUÍ ĐÔN	
1564	LÊ VŨ TUYẾT	ANH	08-Jul-03	60114449	8	8/4			PHAN SÀO NAM	
1565	LÊ HUY	CUÔNG	02-Jan-03	60114448	8	8/4			PHAN SÀO NAM	
1566	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGỌC	16-Aug-03	60114450	8	8/4			PHAN SÀO NAM	
1567	ĐÀM MINH	THƯỜNG	01-Mar-03	60114447	8	8/4			PHAN SÀO NAM	
1568	NGUYỄN PHƯƠNG	KHANH	12-Apr-03	60113514	8	8/5			BÀN CỜ	
1569	DIỆP TẮT	THỌ	23-Jun-03	60114351	8	8/6			LÊ QUÍ ĐÔN	
1570	ĐOÀN TRỌNG	KHÁNH	28-Aug-03	60113516	8	8/7			BÀN CỜ	
1571	LÊ THIÊN	LỘC	15-Dec-03	60114356	8	8/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
1572	ĐẶNG LÊ	MINH	28-Mar-03	60114354	8	8/7			LÊ QUÍ ĐÔN	
1573	NGUYỄN MINH	HIỀN	23-Nov-03	60113519	8	8/8			BÀN CỜ	
1574	PHAN NGUYỄN	ĐỨC	29-Mar-03	60113702	8	8/8			HAI BÀ TRƯNG	
1575	LÊ NGÔ SONG	HOÀNG	03-Jun-03	60113694	8	8/8			HAI BÀ TRƯNG	
1576	VŨ QUỐC GIA	QUÂN	06-Feb-03	60113707	8	8/8			HAI BÀ TRƯNG	
1577	TÔ YẾN	THANH	13-Aug-03	60113704	8	8/8			HAI BÀ TRƯNG	
1578	HỒ NGỌC LINH	THUYỀN	01-Jul-03	60113692	8	8/8			HAI BÀ TRƯNG	
1579	PHAN NGỌC	VY	26-Jul-03	60113701	8	8/8			HAI BÀ TRƯNG	
1580	PHAN HOÀNG	ANH	23-Feb-03	60114371	8	8/8			LÊ QUÍ ĐÔN	
1581	TẠ ĐÌNH QUỐC	ANH	17-Oct-03	60114372	8	8/8			LÊ QUÍ ĐÔN	
1582	NGUYỄN THÙY	MY	17-Sep-03	60114370	8	8/8			LÊ QUÍ ĐÔN	
1583	LÊ KHÁNH	PHƯƠNG	14-Dec-03	60114364	8	8/8			LÊ QUÍ ĐÔN	
1584	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	31-Aug-03	60114369	8	8/8			LÊ QUÍ ĐÔN	
1585	LUYỆN MINH	TÂM	14-Oct-03	60114366	8	8/8			LÊ QUÍ ĐÔN	
1586	TRẦN THY	THƯ	27-Feb-03	60114374	8	8/8			LÊ QUÍ ĐÔN	
1587	TRẦN NGỌC	TRINH	27-Feb-03	60114373	8	8/8			LÊ QUÍ ĐÔN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1588	LÊ TRẦN ĐĂNG	KHOA	17-Oct-03	60113520	8	8/9			BÀN CỜ	
1589	NGUYỄN THIÊN TRIỀU	AN	29-Mar-03	60113717	8	8/9			HAI BÀ TRƯNG	
1590	MAI TRẦN KHẢ	DOANH	07-Nov-03	60113710	8	8/9			HAI BÀ TRƯNG	
1591	NGUYỄN MINH	HẠNH	25-Nov-03	60113713	8	8/9			HAI BÀ TRƯNG	
1592	NGUYỄN NGỌC THANH	NHI	09-Jan-03	60113715	8	8/9			HAI BÀ TRƯNG	
1593	LÊ THANH	TÂM	02-Sep-03	60113708	8	8/9			HAI BÀ TRƯNG	
1594	NGUYỄN MINH	THU	08-Oct-03	60113714	8	8/9			HAI BÀ TRƯNG	
1595	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	11-Jul-03	60142940	8	8-1			LÊ LỢI	
1596	LÊ HÀ PHẠM	HUNG	06-Feb-03	60142924	8	8-1			LÊ LỢI	
1597	BÙI BÍCH	PHƯƠNG	05-Feb-03	60142913	8	8-1			LÊ LỢI	
1598	HUỲNH THANH	SƠN	13-Nov-03	60142921	8	8-1			LÊ LỢI	
1599	TRẦN LAN	VY	02-Nov-03	60142947	8	8-1			LÊ LỢI	
1600	LÊ NGỌC VÂN	ANH	07-Mar-03	60142962	8	8-13			LÊ LỢI	
1601	ĐẶNG HẢI	ĐĂNG	08-Sep-03	60142954	8	8-13			LÊ LỢI	
1602	LÊ BÁ	KHANG	29-Jan-03	60142959	8	8-13			LÊ LỢI	
1603	LÊ TRẦN TUẤN	KIỆT	12-Apr-03	60142963	8	8-13			LÊ LỢI	
1604	NGUYỄN KIM	LONG	18-Nov-03	60142971	8	8-13			LÊ LỢI	
1605	PHẠM NGUYỄN QUÝ	NAM	21-Oct-03	60142980	8	8-13			LÊ LỢI	
1606	NGUYỄN TẤT UYÊN	NHI	05-May-03	60142973	8	8-13			LÊ LỢI	
1607	LÊ HOÀNG	PHÚC	30-Nov-03	60142960	8	8-13			LÊ LỢI	
1608	TRẦN	PHƯƠNG	19-May-03	60142985	8	8-13			LÊ LỢI	
1609	TRẦN BẢO	QUỐC	27-Jun-03	60142986	8	8-13			LÊ LỢI	
1610	NGUYỄN ĐỖ HIỀN	THẢO	10-Mar-03	60142968	8	8-13			LÊ LỢI	
1611	PHAN THỰC	TRÂM	30-Aug-03	60142984	8	8-13			LÊ LỢI	
1612	NGÔ NGUYỄN BẢO	TRÂN	31-Aug-03	60142965	8	8-13			LÊ LỢI	
1613	NGUYỄN THANH	TRÚC	04-Dec-03	60142974	8	8-13			LÊ LỢI	
1614	TRẦN XUÂN THIÊN	TRƯỜNG	12-Dec-03	60142992	8	8-13			LÊ LỢI	
1615	HỒ CÁT	TƯỜNG	24-Feb-03	60142957	8	8-13			LÊ LỢI	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1616	PHẠM NGUYỄN THANH	UYÊN	21-Nov-03	60142981	8	8-13			LÊ LỢI	
1617	VŨ TRẦN THU	UYÊN	08-Nov-03	60142995	8	8-13			LÊ LỢI	
1618	VÕ NGỌC	YẾN	26-Apr-03	60142993	8	8-13			LÊ LỢI	
1619	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	09-Oct-03	60143010	8	8-2			LÊ LỢI	
1620	PHẠM HOÀNG	DUY	27-Jan-03	60143022	8	8-2			LÊ LỢI	
1621	HOÀNG DIỄM	KHÁNH	12-Apr-03	60142999	8	8-2			LÊ LỢI	
1622	ĐẶNG NGỌC MỸ	KIM	17-May-03	60142997	8	8-2			LÊ LỢI	
1623	NGUYỄN NGỌC	MINH	20-Jan-03	60143012	8	8-2			LÊ LỢI	
1624	LÊ MINH HỮU	NGHỊ	04-Sep-03	60143002	8	8-2			LÊ LỢI	
1625	PHÙNG THIÊN	PHÚC	17-Jan-03	60143023	8	8-2			LÊ LỢI	
1626	VÕ ĐỖ	PHÚC	12-Nov-03	60143032	8	8-2			LÊ LỢI	
1627	NGUYỄN NGUYỄN	PHƯƠNG	15-Mar-03	60143017	8	8-2			LÊ LỢI	
1628	LIÊN HIỆP	QUỐC	16-Oct-03	60143006	8	8-2			LÊ LỢI	
1629	MAI DIỄM	QUYÊN	03-Jun-03	60143007	8	8-2			LÊ LỢI	
1630	NGUYỄN NGỌC DIỄM	QUỲNH	21-Sep-03	60143014	8	8-2			LÊ LỢI	
1631	NGUYỄN NGỌC	THẢO	14-Mar-03	60143013	8	8-2			LÊ LỢI	
1632	NGUYỄN MINH	TRIẾT	08-Feb-03	60143011	8	8-2			LÊ LỢI	
1633	LÊ NGỌC THÚY	VY	11-Nov-03	60143003	8	8-2			LÊ LỢI	
1634	TRẦN TUẤN	AN	23-Mar-03	60122057	8	8A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1635	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	02-Oct-03	60122053	8	8A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1636	PHẠM HOÀNG	DƯƠNG	14-Oct-03	60122055	8	8A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1637	LÊ HOÀNG	DUY	02-Oct-03	60122050	8	8A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1638	LÃ NGUYỄN MINH	NHẬT	31-Jul-03	60122049	8	8A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1639	VÕ THỊ THANH	TÂM	21-Jun-03	60122058	8	8A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1640	PHAN NGUYỄN MINH	TRIẾT	05-Jul-03	60122056	8	8A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1641	NGUYỄN THÁI HẢI	VY	11-Jun-03	60122054	8	8A1			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1642	TRẦN CÔNG	DANH	28-Jul-03	60122070	8	8A2			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1643	BÙI PHƯƠNG TRÚC	ĐÀO	05-May-03	60122060	8	8A2			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1644	WONG KIM	LỢI	04-Sep-03	60122074	8	8A2			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1645	NGUYỄN THỦY QUỲNH	MAI	07-Nov-03	60122067	8	8A2			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1646	ĐỖ HOÀNG KHÁNH	TÂM	22-Feb-03	60122063	8	8A2			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1647	NGUYỄN MINH	THỨC	17-Aug-03	60122065	8	8A2			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1648	NGUYỄN THANH THẢO	TIÊN	06-Apr-03	60122066	8	8A2			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1649	CAO THÀNH	TỶ	20-May-03	60122061	8	8A2			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1650	TRẦN THỊ NGỌC	VY	19-Apr-03	60122073	8	8A2			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1651	TẮT THÚY	HẰNG	25-Oct-03	60122110	8	8A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1652	VŨ HUY	HOÀNG	07-May-03	60122119	8	8A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1653	NGUYỄN DUY	NAM	20-Oct-03	60122093	8	8A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1654	LÊ NGUYỄN BẢO	NGỌC	11-Jul-03	60122087	8	8A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1655	TRẦN NGUYỄN PHÚC	NGUYỄN	10-Jul-03	60122114	8	8A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1656	NGUYỄN LÊ QUỲNH	NHU	11-Feb-03	60122096	8	8A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1657	LÊ HỒNG NHẬT	TÂN	01-Dec-03	60122086	8	8A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1658	VƯƠNG ĐÌNH PHÚC	THẢO	18-Aug-03	60122120	8	8A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1659	LA DŨNG	TIẾN	12-Mar-03	60122084	8	8A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1660	TRƯỜNG ANH	TÙNG	04-Aug-03	60122117	8	8A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1661	TRẦN YẾN	NHI	18-Oct-02	60142151	9	9			BÀN CỜ	
1662	NGUYỄN THỊ XUÂN	THANH	09-Nov-02	60142156	9	9			BÀN CỜ	
1663	HÀ NGỌC THÙY	AN	11-Apr-02	60113756	9	9			KIẾN THIẾT	
1664	PHẠM LÊ CÔNG	DANH	25-Apr-02	60113925	9	9			KIẾN THIẾT	
1665	NGUYỄN LÊ CÔNG	DUY	15-Jun-02	60113863	9	9			KIẾN THIẾT	
1666	PHẠM TẤN ANH	DUY	27-Apr-02	60113934	9	9			KIẾN THIẾT	
1667	NGUYỄN THẢO	MI	03-Dec-02	60113901	9	9			KIẾN THIẾT	
1668	MAI MINH	QUANG	26-Nov-02	60113814	9	9			KIẾN THIẾT	
1669	LÊ THỊ THANH	THẢO	13-Jul-02	60113803	9	9			KIẾN THIẾT	
1670	TRẦN NGỌC BÍCH	THUẬN	10-Feb-02	60113982	9	9			KIẾN THIẾT	
1671	NGUYỄN TRẦN THU	UYÊN	04-Dec-02	60113910	9	9			KIẾN THIẾT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1672	LÊ QUANG	VINH	08-Mar-02	60113797	9	9			KIẾN THIẾT	
1673	VŨ KHẢI	ANH	18-Apr-02	60142599	9	9			LÊ LỢI	
1674	LA THÀNH MINH	CHÂU	11-Apr-02	60149569	9	9			LÊ LỢI	
1675	NGUYỄN NGỌC MAI	CHÂU	13-Jan-02	60142584	9	9			LÊ LỢI	
1676	NGÔ PHÚC QUỲNH	NHU	12-Sep-02	60142529	9	9			LÊ LỢI	
1677	VÕ HỒ VÂN	ANH	21-Feb-02	60142167	9	9			LÊ QUÝ ĐÔN	
1678	TRẦN LÊ UYÊN	NHI	09-Mar-02	60142152	9	9			LÊ QUÝ ĐÔN	
1679	PHẠM VŨ KIM	THU	15-Jun-02	60142170	9	9			LÊ QUÝ ĐÔN	
1680	PHAN NGỌC KIM	YÊN	02-Mar-02	60142153	9	9			LÊ QUÝ ĐÔN	
1681	NGUYỄN PHẠM BẢO	ÂN	24-Oct-02	60121826	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1682	ĐỖ PHẠM TRÚC	ANH	08-Nov-02	60121813	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1683	PHẠM HỒNG	ANH	23-Nov-02	60121833	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1684	NGUYỄN HÀ BẢO	CHÂU	11-Jul-02	60121819	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1685	LÊ CHÍ	CƯỜNG	23-Sep-02	60121815	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1686	TRẦN GIA	LẠC	16-Jul-01	60121836	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1687	HỒ THANH	NGÂN	05-Jan-02	60121814	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1688	NGUYỄN MINH	NGUYỆT	24-Oct-02	60121821	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1689	NGUYỄN TRẦN MAI	PHƯƠNG	05-Jul-02	60121831	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1690	NGUYỄN NGỌC MINH	QUÂN	14-Oct-02	60121824	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1691	LIÊU MINH	QUANG	09-Jul-02	60121817	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1692	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	30-Jun-02	60121825	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1693	PHAN NGUYỄN MINH	THÀNH	10-Jul-02	60121834	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1694	NGUYỄN VÕ THANH	TRÚC	20-Dec-02	60121832	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1695	ĐINH THỊ THẢO	VI	30-Mar-02	60121809	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1696	PHÙNG KHÁNH	VY	19-Jan-02	60121835	9	9/1			BẠCH ĐẰNG	
1697	NGUYỄN NGỌC ĐÔNG	ANH	28-Aug-02	60113460	9	9/1			COLETTE	
1698	HUỲNH THIỆN GIA	KHANG	05-Dec-02	60113454	9	9/1			COLETTE	
1699	NGUYỄN LÊ NHẬT	KHANH	13-Jan-02	60113459	9	9/1			COLETTE	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1700	ĐOÀN MINH	KHOA	21-Aug-02	60113450	9	9/1			COLETTE	
1701	NGUYỄN XUÂN	KHƯỜNG	24-Feb-02	60113462	9	9/1			COLETTE	
1702	TRẦN NGUYỄN NGỌC	MINH	16-Feb-02	60113469	9	9/1			COLETTE	
1703	PHAN TRUNG	NAM	29-Apr-02	60113466	9	9/1			COLETTE	
1704	TRÀ HIẾU	NGÂN	13-May-02	60113467	9	9/1			COLETTE	
1705	PHAN ĐẶNG HIẾU	NGỌC	23-Dec-02	60113463	9	9/1			COLETTE	
1706	NGUYỄN TUỜNG	NGUYỄN	25-Dec-02	60113461	9	9/1			COLETTE	
1707	NGUYỄN AN	PHƯỚC	10-Jul-02	60113458	9	9/1			COLETTE	
1708	HUỲNH NGUYỄN PHƯƠNG	QUỲNH	07-Oct-02	60113453	9	9/1			COLETTE	
1709	BÙI THANH	THẢO	20-May-02	60113449	9	9/1			COLETTE	
1710	LÊ HOÀNG MINH	TÚ	18-Jan-02	60113455	9	9/1			COLETTE	
1711	NGUYỄN PHI	HÙNG	15-Oct-02	60114404	9	9/1			LUƠNG THẾ VINH	
1712	NGUYỄN NGOC THANH	TÀI	08-Dec-02	60114403	9	9/1			LUƠNG THẾ VINH	
1713	TRẦN XUÂN	BÁCH	30-May-02	60116947	9	9/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1714	NGUYỄN MINH	HIẾU	27-Apr-02	60116941	9	9/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1715	NGÔ THỤY GIA	KHÁNH	24-Jan-02	60116940	9	9/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1716	TRẦN CÔNG	NGUYỄN	09-Jun-02	60116946	9	9/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1717	KHÔNG MINH	THƯ	15-Sep-02	60116938	9	9/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1718	VÕ NGỌC THANH	TRÀ	11-Jan-02	60116948	9	9/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1719	PHẠM THỊ CẨM	TÚ	16-Aug-02	60116945	9	9/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1720	NGUYỄN NGỌC LAN	VY	25-Jan-02	60116942	9	9/1			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1721	LÊ TRẦN HOÀNG	ANH	27-Feb-02	60121851	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1722	PHẠM THỊ MỸ	ANH	30-Oct-02	60121864	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1723	TRẦN NGỌC	BÍCH	04-Aug-02	60121869	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1724	HỒ THÁI	BÌNH	23-Jun-02	60121844	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1725	BÙI PHÁT	ĐẠT	17-May-02	60121842	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1726	LÊ ĐÌNH	ĐÔ	24-May-02	60121848	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1727	PHẠM MAI PHƯƠNG	DU	09-Jul-02	60121862	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1728	BÙI KHÁNH	DUY	03-Sep-02	60121840	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1729	PHẠM NGỌC NGÂN	HÀ	18-Jun-02	60121863	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1730	HỒ THỊ NHƯ	HẢO	31-May-02	60121845	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1731	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	15-Dec-02	60121860	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1732	TRƯƠNG THÁI	HỒNG	29-Mar-02	60121871	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1733	PHẠM ĐỒNG VIỆT	HUNG	06-Dec-02	60121861	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1734	NGUYỄN MINH	KHÁNH	14-Aug-02	60121856	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1735	PHẠM THIÊN	KIM	24-Oct-02	60121865	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1736	BÙI NHẬT	LÂM	28-Nov-02	60121841	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1737	DUƠNG TRƯỞNG	LƯƠNG	12-Feb-02	60121843	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1738	TỔNG KHÁNH	LY	02-Jul-02	60121867	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1739	NGUYỄN PHAN BẢO	NGỌC	19-Apr-02	60121859	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1740	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	27-Apr-02	60121870	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1741	LÊ THANH	NHÀN	18-Jan-02	60121850	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1742	LƯU KIỀU PHƯƠNG	NHI	18-Aug-02	60121853	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1743	NGÔ NGUYỄN YẾN	NHI	08-Aug-02	60121854	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1744	LÊ MINH	QUÂN	15-Feb-02	60121849	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1745	VĂN MINH	TRÍ	15-Jan-02	60121872	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1746	HÒANG TỔ	UYÊN	31-Jan-02	60121846	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1747	VÕ CÁT TƯỜNG	VY	19-Jul-02	60121873	9	9/2			BẠCH ĐẰNG	
1748	HUỲNH TRẦN PHƯƠNG	ANH	12-May-02	60116950	9	9/2			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1749	LÊ ĐẶNG PHÚC	NGUYỄN	03-Mar-02	60113523	9	9/3			BÀN CỜ	
1750	NGUYỄN HOÀNG	DUY	30-Dec-02	60113473	9	9/3			COLETTE	
1751	HỨA NAM	HUY	12-Nov-02	60113470	9	9/3			COLETTE	
1752	NGUYỄN PHÚC	KHANG	09-Oct-02	60113475	9	9/3			COLETTE	
1753	LÂM PHƯỚC TRƯỜNG	KHANH	10-Oct-02	60113471	9	9/3			COLETTE	
1754	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	14-Nov-02	60113476	9	9/3			COLETTE	
1755	TRẦN MINH	QUÂN	08-Oct-02	60113477	9	9/3			COLETTE	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1756	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	QUỲNH	18-Jan-02	60113474	9	9/3			COLETTE	
1757	LÊ NHẬT	TIẾN	06-May-02	60113472	9	9/3			COLETTE	
1758	TRỊNH BỬU	THỐNG	25-Dec-02	60113526	9	9/4			BÀN CỜ	
1759	TRẦN THANH HỒNG	NGỌC	14-Feb-02	60113529	9	9/8			BÀN CỜ	
1760	DƯƠNG AN	BÌNH	15-May-02	60122125	9	9A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1761	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	19-Apr-02	60122133	9	9A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1762	TRƯƠNG NHẬT	MINH	20-May-02	60122144	9	9A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1763	LÊ NGỌC MINH	TÂM	07-Jun-02	60122128	9	9A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1764	VÕ THÀNH	THÁI	08-Oct-02	60122145	9	9A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1765	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	19-Feb-02	60122132	9	9A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1766	HOA PHƯƠNG	TÙNG	17-Feb-02	60122126	9	9A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	
1767	NGUYỄN PHƯƠNG KHÁNH	UYÊN	10-Sep-02	60122134	9	9A3			ĐOÀN THỊ ĐIỂM	